

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *604*/VTVcab-CBTT
CBTT Báo cáo thường niên 2021

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam

Mã chứng khoán: CAB

Địa chỉ trụ sở chính: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Hồng Nhung. ĐT: 0986742179

Loại thông tin công bố: định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2021.

Chi tiết theo file đính kèm

Thông tin này đã được công bố trên trang tin điện tử của Công ty vào ngày 19/04/2022 tại đường dẫn: <http://dichvu.vtvcab.vn/tin-tuc-khuyen-mai/co-dong>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- .Lưu: VT, CBTT.

CHỦ TỊCH HĐQT

Hồng Ngọc Huân

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam năm 2021

I. TỔNG QUAN TỔNG CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam
- Tên viết tắt: Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0105926285 đăng ký lần đầu ngày 26/06/2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần gần nhất (lần thứ 7) vào ngày 26 tháng 2 năm 2021
- Vốn điều lệ: 457.458.760.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi bảy tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Website: <http://www.vtvcab.vn>

*** Quá trình hình thành và phát triển**

Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab) tiền thân là Trung tâm Truyền hình Cáp MMDS thành lập ngày 20/9/1995. Tổng công ty đã trải qua các lần đổi tên: Hãng Truyền hình Cáp Việt Nam (năm 2000); Trung tâm dịch vụ Kỹ thuật Truyền hình Cáp Việt Nam (năm 2003). Đặc biệt từ năm 2012, Tổng công ty phát triển nhanh cả về quy mô lẫn năng lực, đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh khi chuyển sang mô hình doanh nghiệp với thương hiệu mới VTVcab. Dưới đây là các mốc phát triển quan trọng của Tổng công ty:

1995: Thành lập Trung tâm Truyền hình Cáp MMDS

2005: Cung cấp internet trên mạng truyền hình Cáp

2008: Triển khai hệ thống truyền hình số trên mạng cáp

2009: Chính thức liên doanh với tập đoàn Canal+/Canal Overseas triển khai truyền hình số vệ tinh với thương hiệu K+ phủ sóng toàn quốc. Đây là liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực truyền hình.

2011: Triển khai dịch vụ SD, HD; ra mắt tổng đài Chăm sóc khách hàng trên toàn quốc 19001515

2012: Ra mắt Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Việt Nam. Đến thời điểm này, VTVcab đã có hơn 100 chi nhánh, văn phòng đại diện trên toàn quốc

2013: Truyền hình Cáp Việt Nam thay đổi thương hiệu từ VCTV sang VTVcab và đổi tên thành Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.

Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới VTVcab

2015: Là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam triển khai ứng dụng công nghệ mạng cáp quang GPON, phát sóng trên 200 kênh truyền hình, trong đó có 60 kênh HD

2018: Từ 01/07/2018, VTVcab chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam sang Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam

2019 đến nay: VTVcab khẳng định vị thế là nhà cung cấp nội dung trên đa nền tảng số 1 tại Việt Nam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

+ Cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền;

+ Thực hiện hoạt động viễn thông có dây (điều hành hệ thống phát băng cáp);

+ Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây;

+ Quảng cáo truyền hình;

+ Thực hiện hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;

+ Bán buôn, bán lẻ thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;

+ Hoạt động môi giới bản quyền, sắp xếp cho việc mua- bán bản quyền;

+ Cung cấp dịch vụ viễn thông và thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất;

+ Xuất bản phần mềm;

+ Sản xuất đồ chơi, trò chơi;

+ Hoạt động phát thanh, truyền hình;

+ Hoạt động viễn thông không dây;

+ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

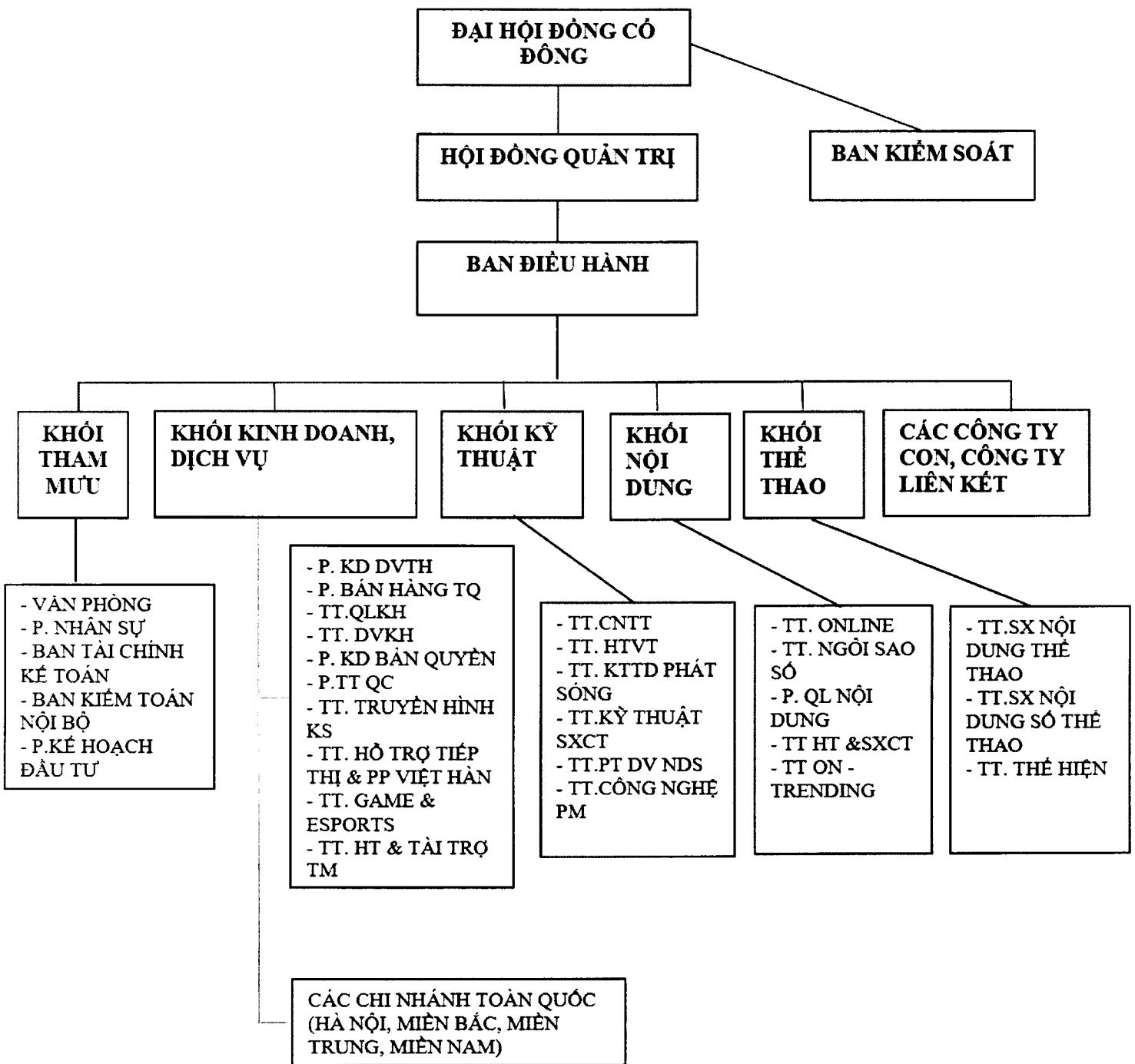
+ Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.

- Địa bàn kinh doanh của VTVcab hoạt động trên toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

Cơ cấu tổ chức Công ty thể hiện bằng sơ đồ:



- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông.

- Hội đồng quản trị có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

- Ban kiểm soát có 4 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

- Ban điều hành (bao gồm 01 Tổng giám đốc, 05 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng):
Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

- Các phòng, ban chuyên môn (Bộ máy giúp việc, bao gồm 29 đơn vị): có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc. Cụ thể:

** Khối tham mưu quản lý:*

- + Văn phòng
- + Phòng Nhân sự
- + Ban Tài chính kế toán
- + Ban kiểm toán nội bộ
- + Phòng kế hoạch đầu tư

** Khối kinh doanh dịch vụ:*

- + Phòng kinh doanh dịch vụ truyền hình
- + Phòng bán hàng toàn quốc
- + Trung tâm Quản lý khách hàng
- + Trung tâm dịch vụ khách hàng
- + Phòng kinh doanh bản quyền
- + Phòng Truyền thông quảng cáo
- + Trung tâm truyền hình khách sạn
- + Trung tâm hỗ trợ tiếp thị và phân phối Việt Hàn
- + Trung tâm Game & eSports
- + Trung tâm hợp tác và tài trợ thương mại

** Khối kỹ thuật:*

- + Trung tâm Công nghệ thông tin
- + Trung tâm Hạ tầng viễn thông
- + Trung tâm kỹ thuật truyền dẫn phát sóng
- + Trung tâm kỹ thuật sản xuất chương trình
- + Trung tâm phát triển Dịch vụ Nội dung số
- + Trung tâm Công nghệ phần mềm

** Khối Nội dung:*

- + Trung tâm Online
- + Trung tâm Ngôi sao số eStars
- + Phòng Quản lý Nội dung
- + Trung tâm Hợp tác và Sản xuất chương trình

- + Trung tâm On-trending
- * *Khởi Thể thao*
- + Trung tâm Sản xuất nội dung Thể thao
- + Trung tâm Sản xuất nội dung số Thể thao
- + Trung tâm Thể hiện

- Công ty con:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ % VTVcab sở hữu
Công ty CP công nghệ Việt Thành	HCM	Dịch vụ truyền hình	105.000	51%
Công ty TNHH MTV hạ tầng viễn thông VTVcab	Hà Nội	Hạ tầng viễn thông	3.000	100%
Công ty CP phát triển thể thao VTVcab	Hà Nội	Dịch vụ công nghệ thông tin	2.000	50.1%

- Công ty liên kết:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ % VTVcab sở hữu
Công ty CP Truyền thông ON+	HCM	Dịch vụ quảng cáo	10.000	36%
Công ty CP VTVcab Nam Định	Nam Định	Dịch vụ truyền hình	21.034,20	39%
Công ty CP truyền thông, Quảng cáo đa phương tiện	Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo và GTGT trực tuyến	90.000	20%
Công ty TNHH mua sắm tại nhà VTV-Hyundai	HCM	Sản xuất phim, dịch vụ quảng cáo	420.000	25%
Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam	Hà Nội	Dịch vụ truyền hình	68.000	24%

4. Định hướng phát triển

* Các mục tiêu chủ yếu:

- Tiếp tục giữ vững và phát triển thị trường truyền thống, đẩy mạnh kinh doanh các dịch vụ truyền hình theo yêu cầu (VOD), Internet, Truyền hình Online, Truyền hình HD, 4K... Phát

triển các gói dịch vụ riêng biệt dành riêng cho từng tập khách hàng khác nhau. Tập trung phát triển gói dịch vụ cao cấp và tập khách hàng Premium.

- Triển khai chiến lược quy hoạch hạ tầng & dịch vụ, trong dài hạn đáp ứng được yêu cầu về phát triển dịch vụ truyền hình đa nền tảng, phát triển mạng 4G, 5G trong tương lai.

- Tiếp tục phát huy thế mạnh sản xuất các chương trình thể thao, sở hữu dài hạn các nội dung bản quyền chất lượng cao trong nước và quốc tế, từng bước xây dựng đội ngũ sản xuất nội dung gốc trên các mảng: giải trí, âm nhạc, game show. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho nội dung trên nền tảng internet như: Tiktok, Face book, Youtube... để đảm bảo vị thế dẫn đầu của VTVcab trên mặt trận sản xuất nội dung trong thị trường truyền hình trả tiền.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Duy trì ổn định và phát triển thị trường truyền hình truyền thống.

- Phát triển hệ sinh thái nội dung độc đáo, độc quyền và duy nhất, IP hóa content. Nội dung khác biệt sẽ tạo điểm nhấn cho dịch vụ, nội dung đặc sắc là điểm mạnh và lợi thế của nhà cung cấp dịch vụ.

* Các mục tiêu phát triển bền vững:

Để phát triển bền vững, phát huy thế mạnh của đơn vị truyền hình trả tiền của VTV, đáp ứng ngày càng tốt hơn mọi nhu cầu của khách hàng và khán giả trong thời đại 4.0. “Với tầm nhìn trở thành tập đoàn truyền thông đa phương tiện mạnh trên tất cả các nền tảng tại Việt Nam, VTVcab sẽ duy trì và đảm bảo cung cấp dịch vụ chất lượng cao trên hệ thống truyền thông (Truyền hình Cáp; Truyền hình số HD, IPTV..); Khẳng định vị thế của đơn vị dẫn đầu cung cấp nội dung gốc ở Việt Nam trên nền tảng OTT, Telco và internet; Trở thành nhà cung cấp nội dung sáng tạo trên nền tảng online, mạng xã hội.

5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến các hoạt động của VTVcab

- Rủi ro về thị trường: Có sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường giữa các đối thủ trong ngành thị trường truyền hình trả tiền, một số nhà cung cấp xây dựng các gói cước tổng hợp gồm 2 – 3 dịch vụ, phổ biến là kết hợp gói cước Internet và truyền hình trả tiền, áp dụng chính sách dùng Internet được miễn phí truyền hình hoặc ngược lại khiến giá thuê bao giảm thấp... gây bất lợi trong việc bảo toàn và phát triển số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ của VTVcab, làm cho biến động về đơn giá thuê bao bị giảm xuống.

Bên cạnh đó dịch vụ truyền hình OTT trên nền tảng Internet đang và sẽ tiếp tục phát triển bùng nổ trong các năm tới với nguồn nội dung xã hội hóa tăng mạnh. Sự lấn sân của những nhà cung cấp nội dung nước ngoài như Youtube, Netflix, Apple TV+, Amazon Prime video hay HBO tại thị trường Việt Nam khiến truyền hình trong nước khó cạnh tranh được cả về công nghệ và nội dung.

- Rủi ro về bản quyền: Một trở ngại lớn đang kìm hãm sự phát triển chung của thị trường truyền hình Việt Nam đó là vấn nạn vi phạm bản quyền các nội dung truyền hình, phim ảnh một cách tràn lan mà các chế tài xử lý chưa đủ mạnh, vì vậy các vi phạm bản quyền trên internet luôn có dấu hiệu tái diễn và ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và định hướng phát triển của các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

- Rủi ro về tài chính: Chi phí bản quyền nội dung ngày càng tăng cao đặc biệt là các kênh quốc tế và các giải thể thao đỉnh cao. Cùng với xu thế độc quyền phân phối nội dung, đặc biệt là các hãng lớn như Netflix, HBO, Disney hiện nay đều giữ quyền phân phối nội dung gốc trên nền tảng của họ nên việc đàm phán mua bản quyền hết sức khó khăn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Do tác động của dịch bệnh Covid 19 kéo dài từ năm 2020 đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động cung cấp truyền hình trả tiền của VTVcab. Doanh thu thực hiện năm 2021 của Công ty chỉ đạt 92% so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã áp dụng một số biện pháp điều chỉnh chi phí hoạt động kinh doanh phù hợp trong quản lý điều hành nên vẫn đảm bảo được lợi nhuận đề ra của năm 2021.

Một số chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 như sau:

CHỈ TIÊU	Đơn vị: triệu đồng		
	KẾ HOẠCH 2021	THỰC HIỆN 2021	TỶ LỆ TH/KH
Tổng doanh thu	2.348.013	2.158.096	92%
Lợi nhuận sau thuế	73.634	82.072	111%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 so với năm 2020:

CHỈ TIÊU	Đơn vị: triệu đồng		
	THỰC HIỆN 2020	THỰC HIỆN 2021	TỶ LỆ TH 2021/2020
Tổng doanh thu	2.150.255	2.158.096	100%
Tổng chi phí	2.040.504	2.059.359	101%
Lợi nhuận sau thuế	86.886	82.072	94%

Ghi chú: - Số liệu thực hiện trên (doanh thu, chi phí, lợi nhuận) theo Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được điều chỉnh theo TB 367/TB –KTNN ngày 29 tháng 07 năm 2021 và Báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã được kiểm toán bởi PWC.

- Số liệu kế hoạch 2021 ((doanh thu, chi phí, lợi nhuận) theo Nghị Quyết số 11:NQ-VTVcab ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021).

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

1	Bùi Huy Năm	Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc
2	Tạ Sơn Đông	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Văn Ninh	Phó Tổng Giám đốc
5	Lê Trung Tấn	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Thị Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc
7	Trần Ngọc Huyền	Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành:

*** Ông Bùi Huy Năm- Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc**

Sinh năm : 22/05/1977

Số CMND : 031077000949; Ngày cấp: 09/08/2017; Nơi cấp: Hà Nội

Nguyên quán : Hải Phòng

Nơi sinh : Hải Phòng

Cư trú : P 1301, D3, tòa nhà 1517, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : 0983238377

Trình độ : Kỹ sư Điện tử viễn thông

- Chức vụ đang nắm giữ tại VTCab: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.

Cổ phần đại diện sở hữu phần vốn của Nhà nước: 10.314.587 cổ phần, chiếm tỷ lệ 22.55% vốn điều lệ.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam

*** Ông: Tạ Sơn Đông – Phó Tổng Giám đốc**

Sinh năm : 07/02/1962

Số CMND : 010322717; Ngày cấp: 14/11/2006; Nơi cấp: Hà Nội

Nguyên quán : Hưng Yên

Nơi sinh : Hà Nội

Cư trú : Số 17/151 Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : 0903421707

Trình độ : Cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật.

- Chức vụ đang nắm giữ tại VTVcab: Phó Tổng Giám đốc

Cổ phần sở hữu cá nhân: 3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ.

Cổ phần đại diện sở hữu phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển thể thao VTVcab; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-Hyundai; thành viên HĐQT Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo đa phương tiện;

*** Ông Nguyễn Tuấn Anh – Phó Tổng Giám đốc**

Sinh năm : 01/02/1963

Số CMND : 001063006755; Ngày cấp: 08/03/2016; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nguyên quán : Hà Nội

Nơi sinh : Hà Nội.

Cư trú : Số 22, LK 9, KĐT An Hưng, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, tp Hà Nội

Điện thoại : 0904165568

Trình độ : Kỹ sư điện tử viễn thông

- Chức vụ đang nắm giữ tại VTVcab: Phó Tổng Giám đốc

Cổ phần sở hữu cá nhân: 2.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,006% vốn điều lệ.

Cổ phần đại diện sở hữu phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

*** Ông Nguyễn Văn Ninh – Phó Tổng Giám đốc**

Sinh năm : 21/03/1964

Số CMND : 012206688; Ngày cấp: 16/01/2010; Nơi cấp: Hà Nội

Nguyên quán : Thái Bình

Nơi sinh : Ninh Bình

Cư trú : Số 211, Quan Thổ 1, Tôn Đức Thắng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 0913067899

Trình độ : Kỹ sư điện tử viễn thông

- Chức vụ đang nắm giữ tại VTVcab: Phó Tổng Giám đốc

Cổ phần sở hữu cá nhân: 3.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,007% vốn điều lệ.

Cổ phần đại diện sở hữu phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP VTVcab Nam Định

*** Ông Lê Trung Tấn- Phó Tổng giám đốc**

Sinh ngày : 31/10/1983

Số CMND : 013175788

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nguyên quán : Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Số nhà 237 Khu Đô thị Đại Kim, P.Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kỹ thuật viễn thông; Thạc sỹ - xử lý thông tin và Truyền Thông, Kỹ sư Điện tử Viễn thông

Chức vụ đang nắm giữ tại VTVcab: Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần bản thân nắm giữ: 900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.002% vốn điều lệ.

Số cổ phần được ủy quyền: 00 cổ phần

*** Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương- Phó Tổng giám đốc**

Ngày sinh : 05/07/1976

Nơi sinh : Hà Nội

Số CMND : 011779148

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Phú Thọ

Địa chỉ thường trú : Số 5 ngõ 645, đường Kim Ngưu, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Trình độ: Thạc sỹ- Quản lý kinh tế

- Chức vụ đang nắm giữ tại VTVcab: Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần bản thân nắm giữ: 1.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.003% vốn điều lệ.

Số cổ phần được ủy quyền: 0 cổ phần

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo đa phương tiện; thành viên HĐQT Công ty CP Truyền thông ON+

*** Bà Trần Ngọc Huyền- Kế toán trưởng**

Sinh năm : 16/06/1976

Số CMND : 011816854; Ngày cấp: 17/08/2010; Nơi cấp: Hà Nội

Nguyên quán : Phú Thọ

Nơi sinh : Hà Nội

Cư trú : Số 12, ngách 1 Ngõ 30, Tô 3, Giáp Nhất, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại : 0904786650

Trình độ : Thạc sỹ Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại VTVcab: Kế toán trưởng, Trưởng ban Tài chính kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 1.500 cổ phần cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.

Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phần cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.

Cổ phần đại diện sở hữu phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2021: Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Số lượng lao động bình quân không bao gồm Người quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát năm 2021 là 864 lao động, tính đến ngày 31/12/2021 là 821 lao động.

Trong năm 2021 VTVcab thực hiện đầy đủ các quyền lợi về chế độ chính sách đối với người lao động. Người lao động được đảm bảo về việc làm, thu nhập, các hỗ trợ chính sách khác phục vụ nhu cầu bản thân và chăm lo đời sống gia đình. Trước đại dịch Covid-19, nhiều doanh nghiệp khó khăn, giảm giờ làm, giảm nhân công, các chi phí về lương, phúc lợi đối với người lao động gặp nhiều trở ngại. Tuy nhiên, với VTVcab, toàn bộ lương, thu nhập, phúc lợi đối với người lao động vẫn được chi trả đầy đủ. Mặt bằng tiền lương trung bình đối với người lao động thuộc những đơn vị cao trên thị trường trong bối cảnh đại dịch diễn biến phức tạp, khó khăn. Ngoài ra, căn cứ các văn bản của Chính phủ hỗ trợ đối với người lao động bị dịch bệnh, VTVcab thực hiện hỗ trợ toàn bộ số tiền có được từ việc giảm đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động phòng, chống COVID-19, chi trả mức hỗ trợ đối với những nhân sự mắc Covid-19, tạo sự tin tưởng, đồng lòng của người lao động trong việc đồng hành cùng VTVcab khắc phục khó khăn, phát triển vươn lên.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án trong năm

a. Tình hình đầu tư

Trong năm 2021 Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam tập trung triển khai các dự án lớn theo kế hoạch năm, cụ thể như sau:

- Các dự án liên quan đến hệ thống truyền dẫn, trung tâm thu phát:

+ Dự án “Đầu tư mở rộng hệ thống sản xuất chương trình giai đoạn 2” với tổng mức đầu tư 30 tỷ đồng. Mục tiêu đầu tư: Đáp ứng nhu cầu sản xuất hiện tại cho các đơn vị sản xuất nội dung, nâng cao năng lực sản xuất nội dung tin tức, phóng sự; Nâng cao chất lượng hình ảnh của Studio S2; Mở rộng và nâng cấp hệ thống sản xuất Vizrt, đáp ứng nhu cầu gia tăng nội dung.

+ Dự án “Đầu tư 01 xe truyền hình lưu động 07 camera ready 4K tích hợp công nghệ AR” với tổng mức đầu tư 63,5 tỷ đồng. Mục tiêu của dự án: Chủ động, sẵn sàng sản xuất các sự kiện tổ chức khu vực phía Bắc hoặc các giải đấu diễn ra nhiều ngày tại phía Nam; Nâng cao trình độ chuyên môn đội ngũ sản xuất chương trình của VTVcab đủ năng lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao với các sự kiện truyền hình trực tiếp, đặc biệt với thể thao, bóng đá. Mở ra cơ hội áp dụng công nghệ mới, hiện đại trong sản xuất chương trình, được hợp tác sản xuất với các đơn vị tổ chức quốc tế, sản xuất các giải đấu quốc tế tại Việt Nam; Nâng cấp chất lượng sản xuất các giải đấu thể thao, giúp VTVcab tiếp tục định hình tiêu chuẩn sản xuất các giải thể thao trong nước lên một tầm cao mới.

+ Dự án “Đầu tư nâng cấp hệ thống Transcoder VOD, Origin Packager của VTVcab” với tổng mức đầu tư 8 tỷ đồng. Mục tiêu của dự án: Đảm bảo Transcode đủ số lượng file cung cấp cho hệ thống OTT và phân phối tới các đối tác; Đảm bảo làm Origin và Packager đủ số lượng luồng Live, VOD, Timeshift, Catchup, Start-over của các kênh truyền hình, các tín hiệu chương trình, sự kiện trực tiếp cho hệ thống OTT và phân phối tới các đối tác của VTVcab;

- Các dự án về hạ tầng mạng:

+ Dự án nâng cấp Uplink Gpon thành phố Hà Nội với tổng mức đầu tư 4,57 tỷ đồng. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng hệ thống mạng Core đảm bảo cung cấp băng thông Uplink cho hệ thống mạng Access Gpon hoạt động ổn định; Đảm bảo tài nguyên hệ thống cho kế hoạch quang hóa hạ tầng trên công nghệ Gpon giai đoạn 2019-2023; Triển khai cung cấp thêm dịch vụ gia tăng trên hạ tầng AON, triển khai đa dịch vụ (Internet IPTV, kênh doanh nghiệp...); Tối ưu về chi phí đầu tư, tận dụng khai thác được tối đa hệ thống thiết bị hệ thống Uplink đang có, tận dụng được tài nguyên về hạ tầng; Hệ thống đáp ứng được các tiêu chuẩn về kỹ thuật đảm bảo tính sẵn sàng, dự phòng, các chỉ tiêu SLA, có khả năng kiểm soát chất lượng QoS, đáp ứng được yêu cầu phát triển thuê bao Gpon trong giai đoạn 2021-2023; Quản lý, kiểm soát và đảm bảo an ninh, an toàn dịch vụ cung cấp tới khách hàng.

b. Công ty con

- Công ty Cổ phần Phát triển thể thao VTVcab (VTVcab Sport):

Năm 2021, VTVcab Sport thực hiện việc khai thác hợp đồng quảng cáo với Liên đoàn bóng đá Việt Nam và các hợp đồng sản xuất chương trình với VTVcab.

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2021 của Công ty là: 11,15 tỷ đồng tăng so với thời điểm đầu năm là 266,08%. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2021 là: 18,49 tỷ đồng, tăng hơn 8 lần so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2021 đạt: 110,7 triệu đồng, tăng 52% so với năm 2020.

- Công ty TNHH MTV Hạ tầng viễn thông VTVcab:

Năm 2021, Công ty tiếp tục triển khai kinh doanh sản xuất nội dung chương trình truyền hình, thể thao, âm nhạc, giải trí ... đồng thời tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc...

Tổng tài sản tại 31/12/2021 của Công ty là: 20,54 tỷ đồng giảm so với thời điểm đầu năm là 16,15%. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2021 là: 102,27 tỷ đồng, giảm 5% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2021 đạt: 602 triệu đồng tăng 3% so với năm 2020.

- Công ty CP Công nghệ Việt Thành:

Năm 2021, Công ty tiếp tục cải tạo, duy trì ổn định mạng truyền hình cáp và Internet để triển khai cung cấp các gói dịch vụ truyền hình và internet trên địa bàn TP Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 156,66 tỷ đồng giảm so với đầu năm 7,90%. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2021 là 95,89 tỷ đồng, giảm 16% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 là 9,08 tỷ đồng, tăng 15,2% so với năm 2020.

c. Công ty liên kết

- Công ty CP truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive):

Năm 2021, VTVlive tiếp tục triển khai các hoạt động chính như cung cấp dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, dịch vụ viễn thông cơ bản bao gồm dịch vụ thuê kênh riêng và dịch vụ kết nối internet; Dịch vụ lắp đặt bảo hành, bảo trì, vận hành kỹ thuật, thu thuê bao, phát triển thuê bao truyền hình cáp và dịch vụ cung cấp bản quyền. Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai một số mảng kinh doanh mới góp phần tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận như hoạt động kinh doanh game online, sản xuất gia công phần mềm.

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2021 của Công ty là 57,56 tỷ đồng tăng so với đầu năm 9,86%. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2021 là 25,46 tỷ đồng, tăng 133% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 là 1,13 tỷ đồng, tăng 107% so với năm 2020.

- Công ty CP Truyền thông On+:

Năm 2021, Công ty On+ tiếp tục các hoạt động kinh doanh dịch vụ quảng cáo, sản xuất chương trình và khai thác bản quyền nội dung chương trình các nền tảng xã hội...

Tổng tài sản của Công ty ngày 31/12/2021 là 13,71 tỷ đồng, giảm so với đầu năm 2021 là 36,82%. Tổng doanh thu của Công ty năm 2021 là 4,83 tỷ đồng, giảm 60% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 1,42 tỷ đồng, tăng 45,28% so với năm 2020.

- Công ty Cổ phần VTVcab Nam Định:

Năm 2021, VTVcab Nam Định tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh chính của mình là kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền và hoạt động internet. Tiếp tục giữ khách hàng trong tình hình diễn biến phức tạp của dịch covid19 nhằm đảm bảo doanh thu và lợi nhuận.

Tổng tài sản của Công ty ngày 31/12/2021 là 26,74 tỷ đồng, giảm so với đầu năm 2021 là 17,26%. Tổng doanh thu của Công ty năm 2021 là 27,39 tỷ đồng, giảm 10,43% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 426,6 triệu đồng, tăng 150% so với năm 2020.

- Công ty Cổ phần Truyền thông quảng cáo đa phương tiện (Smart Media):

Năm 2021, Smart Media tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh chính của mình là cung cấp và khai thác nội dung, thông tin, dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông, Internet và các phương tiện thông tin đại chúng; kinh doanh dịch vụ quảng cáo đa phương tiện: tư vấn, thiết kế trong lĩnh vực quảng cáo, tiếp thị; sản xuất các sản phẩm quảng cáo, dịch vụ truyền thông để nâng cao thể mạnh, thúc đẩy tăng doanh thu và lợi nhuận.

Tổng tài sản của Công ty ngày 31/12/2021 là 103,4 tỷ đồng, tăng so với đầu năm 2021 là 6,82%. Tổng doanh thu của Công ty năm 2021 là 62,1 tỷ đồng, tăng 72,02% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 1,431 tỷ đồng, tăng 493,3% so với năm 2020.

- Công ty TNHH mua sắm tại nhà VTV-Hyundai:

Năm 2021, VTV- HYUNDAI tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh chính của mình là thực hiện quyền xuất nhập khẩu, phân phối bán buôn, bán lẻ hàng hóa qua kênh mua sắm truyền hình, quảng cáo, hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình để thúc đẩy tăng doanh thu và lợi nhuận.

Tổng tài sản của Công ty ngày 31/12/2021 là 134,78 tỷ đồng, giảm so với đầu năm 2021 là 17,6%. Tổng doanh thu của Công ty năm 2021 là 74,97 tỷ đồng, giảm 10,89% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 là -63,63 tỷ đồng, giảm lỗ 19,9% so với năm 2020.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán, tình hình tài chính của VTVcab như sau:

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2021	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	1.875.395.923.507	1.768.055.288.444	-5,72%
Doanh thu thuần	2.240.845.903.981	2.246.572.297.479	0,26%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	90.659.073.286	88.759.093.091	-2,10%

Lợi nhuận khác	18.689.908.131	-39.910.101	-100,21%
Lợi nhuận trước thuế	109.348.981.417	88.719.182.990	-18,87%
Lợi nhuận sau thuế	79.626.742.196	67.879.276.472	-14,75%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5,40%	-	-

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	31/12/2020	31/12/2021	GHI CHÚ
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,774	0,806	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,635	0,699	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (*)</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,535	0,501	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,677	1,463	
CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2021	GHI CHÚ
<i>1. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	9,586	12,933	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,153	1,233	
<i>2. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,036	0,030	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	0,136	0,113	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0,041	0,037	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,040	0,040	

Ghi chú:

- Số liệu dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất 2020 đã được điều chỉnh theo TB 367/TB – KTN ngày 29 tháng 07 năm 2021.

- Số liệu dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất 2021 đã được kiểm toán.

- (*) Chi tiêu Nợ phải trả (trong Chi tiêu về cơ cấu vốn) không bao gồm Người mua trả tiền trước và Quỹ khen thưởng phúc lợi

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 45.745.876 cổ phiếu

Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông tổ chức	45.081.076	98,55%
2	Cá nhân	664.800	1,45%
3	Cổ đông nước ngoài	0	0,00%
Tổng cộng		45.745.876	100,00%

Cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Đài Truyền hình Việt Nam	45.081.076	98,55%
Tổng cộng		45.081.076	98,55%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Không thay đổi

d. Giao dịch cổ phiếu: Không

e. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty

6.1. Tiêu thụ năng lượng

Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh về lĩnh vực truyền hình, VTVcab chủ yếu sử dụng điện tại các văn phòng, Chi nhánh. Để sử dụng điện một cách hợp lý, hiệu quả, tránh gây lãng phí, thất thoát nguồn điện, VTVcab luôn duy trì các hoạt động nâng cao ý thức tiết kiệm điện tại các văn phòng, Chi nhánh trên cả nước.

Tiêu thụ nước

VTVcab sử dụng nước chủ yếu phục vụ sinh hoạt của toàn thể cán bộ công nhân viên và tòa nhà như nước uống, vệ sinh, lau rửa sàn nhà, công cụ lao động...Nước thải sinh hoạt được đưa về một nơi tập trung để xử lý theo quy định của tòa nhà.

Chi phí nước uống cho cán bộ nhân viên và tiếp khách do VTVcab chi trả với tinh thần tiết kiệm cao nhất như nước rót vừa đủ uống, sử dụng bình nước nhỏ trong các cuộc họp nội bộ. Với các cuộc hội họp, tiếp khách bên ngoài, VTVcab trang bị những chai nước nhỏ để tránh lãng phí.

6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn ý thức chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong suốt quá trình hoạt động, VTVcab không bị xử phạt vi phạm lần nào liên quan đến vấn đề môi trường.

Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lao động sử dụng bình quân ký hợp đồng tại VTVcab năm 2021 không bao gồm Người quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát là 864 người.

- Tổng số lao động tính đến 31/12/2021 không bao gồm Người quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát là 821 người, mức lương bình quân 16.385.000 đồng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Về phúc lợi, VTVcab trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Ngoài khoản thu nhập bằng tiền lương, người lao động có tên trong danh sách lương được nhận các khoản phúc lợi vào các dịp lễ, tết, phụ cấp tiền ăn trưa, chi phí gửi xe và các khoản phụ cấp khác như chi phí điện thoại di động, công tác phí, kiểm tra sức khỏe hàng năm đối với người lao động...Bên cạnh đó, các cuộc thi đua khen thưởng nhằm tôn vinh, ghi nhận kịp thời thành tích đạt được của những cá nhân tiêu biểu, xuất sắc, khích lệ người lao động cống hiến và gắn bó lâu dài với sự phát triển của VTVcab.

Năm 2021 với diễn biến dịch Covid-19 phức tạp, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tác động đến cuộc sống của người lao động nói chung trên khắp cả nước. Tuy nhiên, VTVcab vẫn duy trì và đảm bảo thu nhập đối với người lao động, xây dựng các chế độ hỗ trợ người lao động khi dịch bệnh diễn ra. Toàn bộ người lao động của VTVcab có thu nhập tương đối tốt so với mặt bằng thị trường lao động chung của năm 2021, thu nhập được đảm bảo, tạo điều kiện tốt nhất về việc làm đối với toàn bộ người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công tác đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho Người lao động là một phần quan trọng trong định hướng phát triển bền vững của VTVcab. VTVcab thực hiện đào tạo nội bộ thường xuyên, đảm bảo mỗi cán bộ nhân viên đều nắm vững nghiệp vụ, quy trình trong công tác chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp. Việc đào tạo được triển khai thực hiện tại trụ sở của Công ty, Chi nhánh, đào tạo trực tuyến. Thời gian học tập được sắp xếp hợp lý, đảm bảo yêu cầu công việc. Trong năm 2021, VTVcab thực hiện 23 chương trình đào tạo với 577,5 giờ cho 3.259 lượt học viên.

Ngoài các hoạt động đào tạo, trong năm 2021 VTVcab xây dựng tiêu chuẩn và đánh giá trình độ Kỹ thuật viên, tổ chức sát hạch cấp chứng chỉ cho 12 Kỹ thuật viên của 05 chi nhánh tại khu vực Hà Nội.

6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, VTVcab ngoài vai trò là lá cờ đầu trong ngành truyền hình trả tiền về quy mô, thương hiệu, VTVcab luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ về chỉ tiêu lợi nhuận, trích nộp ngân sách nhà nước, làm tròn nghĩa vụ thuế với địa phương.

Bên cạnh đó, VTVcab luôn ý thức thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng đối với doanh nghiệp được Đảng và Nhà nước giao phó, các hoạt động và chương trình an sinh xã hội luôn được cán bộ nhân viên VTVcab hưởng ứng nhiệt tình.

Trong tình hình mới, VTVcab cũng chung tay góp sức với các phát động chung như: Quỹ ủng hộ vaccin, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn khi mắc covid 19, tham gia các chương trình thiện nguyện của Đài THVN.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong bối cảnh xã hội năm 2021 có nhiều biến động do tác động của dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực đến ngành kinh tế và các doanh nghiệp tại Việt Nam. Việc sản xuất nội dung mới trên các kênh sóng, đặc biệt là nội dung thể thao bị ảnh hưởng đáng kể do nhiều giải thể thao quốc tế, trong nước, các sự kiện giải trí bị tạm hoãn hoặc hủy bỏ. Cùng với đó việc thực hiện giãn cách xã hội nên các hoạt động bán hàng, chăm sóc khách hàng gặp khó khăn. Thuê bao từ khu vực khách sạn, nhà nghỉ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt là tại các địa bàn có lượng khách du lịch lớn như Khánh Hòa, Đà Nẵng, Bà Rịa Vũng Tàu, Quảng Ninh, Nghệ An, Thanh Hóa ... Thêm vào đó là tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt từ các nhà mạng; sự chuyển dịch xu thế giải trí sang online, OTT bởi công nghệ số và internet đã thay đổi hành vi tiếp nhận nội dung của người xem; các đối tác trong nước của VTVcab bị ảnh hưởng dẫn đến các mảng doanh thu xã hội hóa, quảng cáo, truyền dẫn, doanh thu từ mảng truyền hình truyền thống đều bị giảm làm ảnh hưởng chung đến kế hoạch ban đầu.

Thành tích VTVcab đạt được trong năm 2021:

- Dịch vụ VTVcab ON đạt Top 10 Dịch vụ Vàng Việt Nam

- Dịch vụ On Sports của VTVcab đạt Top 10 Sản phẩm Vàng Việt Nam

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2020	31/12/2021	% tăng giảm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	845.906.912.797	864.861.604.512	2%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	95.150.859.276	94.803.622.835	0%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.000.000.000	48.530.000.000	170%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	482.864.867.618	529.794.517.290	10%
IV. Hàng tồn kho	152.404.720.011	114.613.860.874	-25%
V. Tài sản ngắn hạn khác	97.486.465.892	77.119.603.513	-21%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	1.029.489.010.710	903.193.683.932	-12%
I. Các khoản phải thu dài hạn	69.403.833.509	79.817.452.119	15%
II. Tài sản cố định	554.727.148.387	489.338.709.674	-12%
III. Tài sản dở dang dài hạn	41.280.227.403	48.786.088.778	18%
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	44.560.799.871	38.875.806.964	-13%
V. Tài sản dài hạn khác	319.517.001.540	246.375.626.397	-23%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.875.395.923.507	1.768.055.288.444	-6%

b. Tình hình nợ phải trả

CHỈ TIÊU	31/12/2020	31/12/2021	% tăng giảm
NỢ PHẢI TRẢ	1.277.498.739.379	1.162.326.744.427	-9%
I. Nợ ngắn hạn	1.092.854.359.404	1.072.809.660.712	-2%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	497.543.959.034	430.783.299.907	-13%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	201.221.077.380	206.041.082.756	2%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19.805.960.735	12.304.643.552	-38%

4. Phải trả người lao động	63.329.246.449	69.520.599.765	10%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23.828.571.784	31.884.922.926	34%
6. Phải trả ngắn hạn khác	105.945.422.175	121.073.728.198	14%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	131.452.718.094	143.824.702.284	9%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	49.727.403.753	57.376.681.324	15%
II. Nợ dài hạn	184.644.379.975	89.517.083.715	-52%
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	24.130.609.734	12.564.776.345	-48%
2. Chi phí phải trả dài hạn	4.873.986.527	2.612.349.167	-46%
3. Phải trả dài hạn khác	20.202.761.209	20.338.723.436	1%
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	111.107.883.680	26.450.705.467	-76%
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	21.711.113.325	24.115.132.850	11%
6. Dự phòng phải trả dài hạn	2.618.025.500	3.435.396.450	31%
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	597.897.184.128	605.728.544.017	1%
1. Vốn góp chủ sở hữu	457.458.760.000	457.458.760.000	0%
2. Vốn khác của chủ sở hữu	32.130.000.000	32.130.000.000	0%
3. Quỹ đầu tư phát triển	12.573.184.843	8.976.236.003	-29%
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.732.309.341	42.325.712.100	71%
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	71.002.929.944	64.837.835.914	-9%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.875.395.923.507	1.768.055.288.444	-6%

Ghi chú:

- Số liệu dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất 2020 đã được điều chỉnh theo TB 367/TB – KTNN ngày 29 tháng 07 năm 2021.

- Số liệu dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất 2021 đã được kiểm toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

VTVCab luôn thực hiện tái cấu trúc các đơn vị trong Tổng Công ty phù hợp với thực tế và nhu cầu phát triển của thị trường. Với công tác thực hiện tái cấu trúc bộ máy, nhân sự, toàn

bộ các hoạt động liên quan đều được đảm bảo theo quy định, quy chế. Chế độ chính sách đảm bảo cho người lao động luôn được đặt lên hàng đầu, đảm bảo vận hành và kế thừa quyền lợi của tổ chức, cá nhân tốt nhất nhằm tạo động lực phát triển.

4. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

VTVcab thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm của đơn vị đối với người lao động. Các chế độ quyền lợi của toàn bộ người lao động tại đơn vị được đảm bảo, minh bạch. Lương, thưởng, phúc lợi và các khoản thu nhập khác được chi trả công khai, theo kết quả thực hiện và hoàn thành công việc của tổ chức, cá nhân. Người lao động tại Tổng Công ty đoàn kết, gắn bó để đóng góp và xây dựng VTVcab ngày càng phát triển.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Tổng Công ty.

Năm 2021 là một năm đầy biến động trên thị trường thế giới nói chung và tại thị trường Việt Nam nói riêng. Đại dịch Covid kéo dài từ năm 2020 đã ảnh hưởng tới hầu hết mọi mặt của đời sống xã hội, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn do việc thực hiện chính sách giãn cách xã hội, hạn chế đi lại và tiếp xúc để phòng ngừa dịch bệnh. Tuy nhiên VTVcab vẫn duy trì sự ổn định và giữ vững vị thế là đơn vị hàng đầu về cung cấp nội dung cho thị trường truyền hình trả tiền tại Việt Nam

Thực hiện năm 2021, về doanh thu VTVcab chỉ đạt 92% so với kế hoạch đề ra nhưng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 111% kế hoạch; chế độ lương, thưởng, thù lao được chi trả đúng hạn, đảm bảo ổn định đời sống cho cán bộ, nhân viên và người lao động.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành.

Ban điều hành đã thực hiện tốt việc phân công công việc, phân cấp và ủy quyền đảm bảo điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, bao quát toàn bộ các Chi nhánh theo khu vực, địa lý.

Ban điều hành đã chỉ đạo các đơn vị, phòng ban tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty, xây dựng kế hoạch hoạt động của từng đơn vị và kịp thời báo cáo HĐQT các kết quả thực hiện, cũng như các tồn tại, vướng mắc và đề xuất HĐQT xem xét, xử lý, điều chỉnh phù hợp.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT.

Trước bối cảnh cạnh tranh khốc liệt của ngành truyền thông nói chung và truyền hình trả tiền nói riêng từ trong nước đến các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài đang hiện diện ở thị trường Việt Nam, hoạt động của HĐQT năm 2022 tập trung vào các lĩnh vực chính như sau:

- Nội dung: Tiếp tục phát huy thế mạnh sản xuất các chương trình thể thao, sở hữu dài hạn các nội dung bản quyền chất lượng cao trong nước và quốc tế, từng bước xây dựng đội ngũ sản xuất nội dung gốc trên các mảng: giải trí, âm nhạc, game show, hợp tác với Đài THVN sản xuất phim cho thị trường khu vực phía Nam. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho nội dung trên nền tảng internet như: Tiktok, Face book, Youtube... để đảm bảo vị thế dẫn đầu của VTVcab trên mặt trận sản xuất nội dung trong thị trường truyền hình trả tiền.

- Xây dựng nền tảng phân phối nội dung trên internet – Super Platform: Tập trung nguồn lực nội tại và hợp tác với các đơn vị công nghệ hàng đầu trong nước và quốc tế để xây dựng nền tảng phân phối nội dung trong đó quan trọng nhất là hệ thống phân tích dữ liệu lớn, gọi ý nội dung cho người dùng cùng các giải pháp quảng cáo thông minh nhằm tối đa hoá sức mạnh nguồn lực nội dung khổng lồ của VTV và VTVcab. Mục tiêu thành lập Công ty Công nghệ trong năm 2022 để phát huy nguồn lực xã hội nhằm đẩy nhanh tốc độ xây dựng nền tảng chiếm lĩnh thị trường trước sự cạnh tranh gay gắt của các nền tảng xuyên biên giới.

- Duy trì ổn định dịch vụ truyền hình cáp: Hợp tác xã hội hoá đầu tư hạ tầng quang hoá dịch vụ truyền hình cáp, lấy dịch vụ băng rộng cố định làm dịch vụ cốt lõi để phát triển kết hợp cùng với Tổng Công ty Mobifone để cung cấp đa dịch vụ cho hộ gia đình. Để đảm bảo cho tính chủ động cũng như hiệu quả trong việc điều hành khối kinh doanh dịch vụ truyền hình cáp sẽ được xây dựng theo hướng Công ty THH MTV.

Để tập trung nguồn lực phát triển cho ba định hướng trụ cột trên VTVcab sẽ phải thực hiện việc tái cấu trúc mô hình quản trị theo hướng tinh gọn hỗ trợ tối đa cho ba mũi nhọn phát triển, các lĩnh vực không còn phù hợp với ba định hướng trên sẽ được xem xét để thực hiện việc tái cơ cấu thực hiện chuyển đổi sang các đơn vị khác cho phù hợp hoặc thoái vốn tại các Công ty thành viên để tập trung tối đa nguồn lực.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Hoàng Ngọc Huấn	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật	02/06/2018	
2	Bùi Huy Năm	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	02/06/2018	
3	Vũ Quang Tạo	Thành viên HĐQT không điều hành	27/02/2020	

b. Cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Hoàng Ngọc Huấn	18/18	100%	
2	Bùi Huy Năm	18/18	100%	
3	Vũ Quang Tạo	18/18	100%	

c. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

- Giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

- Việc giám sát thông qua các cuộc họp của HĐQT với Ban điều hành.

- Giám sát thông các Quyết định phân công nhiệm vụ của từng thành viên của Ban điều hành, theo dõi sát sao tình hình hoạt động của Công ty; có những chỉ đạo, định hướng và hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT phù hợp với các quy chế, quy định hiện hành của công ty và pháp luật.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	02/NQ-HĐQT	25/01/2021	Thông qua công tác tổ chức bộ máy của Tổng Công ty	100%
2	03/NQ-HĐQT	26/01/2021	Sáp nhập Trung tâm Giáo dục & Giải trí vào Trung tâm SX Tin tức và phim, đổi tên Trung tâm SX Tin tức và phim thành Trung tâm Hợp tác và sản xuất chương trình.	
3	04/NQ-HĐQT	26/01/2021	Dừng phát hành trái phiếu của VTVcab.	100%
4	05/NQ-HĐQT	05/02/2021	Thông qua chủ trương thành lập Trung tâm Hợp tác và tài trợ thương mại.	100%
5	06/NQ-HĐQT	08/02/2021	Thành lập Trung tâm Hợp tác và Tài trợ Thương mại.	
6	07/NQ-HĐQT	26/02/2021	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH MTV Hạ tầng viễn thông VTVcab.	100%
7	07A/NQ-HĐQT	26/02/2021	Phê duyệt kế hoạch ngân sách năm 2021 Công ty TNHH MTV Hạ tầng viễn thông VTVcab	100%
8	08/NQ-HĐQT	15/04/2021	Thông qua kế hoạch triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và các chủ trương quản lý, điều hành của Tổng Công ty	100%
9	09/NQ-HĐQT	12/05/2021	Thành lập Trung tâm On-Trending	
10	10/NQ-HĐQT	07/06/2021	Thông qua việc điều chỉnh chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021	100%

11	12/NQ-HĐQT	10/06/2021	Cử Người Đại diện phần vốn góp của VTVcab tại Smart Media JSC	100%
12	13/NQ-HĐQT	14/06/2021	Thông qua chủ trương thành lập Trung tâm sản xuất nội dung số thể thao	100%
13	14/NQ-HĐQT	16/06/2021	Chuyên giao chức năng, nhiệm vụ thanh tra kiểm tra từ Ban kiểm toán Nội bộ về Văn phòng Tổng Công ty	
14	15/NQ-HĐQT	16/6/2021	Thành lập Trung tâm Sản xuất Nội dung Số thể thao	
15	16/NQ-HĐQT	29/6/2021	Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty TNHH MTV Hạ tầng viễn thông VTVcab	100%
16	17/NQ-HĐQT	21/07/2021	Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2021 của VTVcab	100%
17	18/NQ-HĐQT	31/07/2021	Thông qua công tác tổ chức bộ máy của Tổng công ty	100%
18	19/NQ- HĐQT	03/08/2021	Thành lập Khối thể thao	
19	19A/NQ- HĐQT	07/08/2021	Điều chỉnh một số nội dung của Đề án thành lập Cty CP SM lifestyle	100%
20	20/NQ- HĐQT	27/08/2021	Thông qua chủ trương vv bổ sung ngành, nghề kinh doanh của VTVcab	100%
21	21/NQ-HĐQT	01/10/2021	Cử người đại diện phần vốn góp của VTVcab tại Công ty CP Truyền thông ON+	100%
22	22/NQ- HĐQT	15/10/2021	Thông qua công tác quản lý, điều hành, tổ chức nhân sự của TCT	100%
23	23/NQ- HĐQT	09/11/2021	Thông qua kế hoạch triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	100%
24	24/NQ- HĐQT	07/12/2021	NQ về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020	
25	26/NQ-HĐQT	29/12/2021	Thông qua chiến lược hoạt động của TCT	100%
26	27/NQ-HĐQT	29/12/2021	Thông qua ủy quyền cho chủ tịch HĐQT ký kết hồ sơ với HSBC	100%

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Nguyễn Minh Điệp	Trưởng Ban BKS	0	0%
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	1600	0,0035%
3	Phan Tất Thành	Thành viên	0	0%
4	Trần Thị Hải Hà	Thành viên	0	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Minh Điệp	8	8/8	100%	
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	8	8/8	100%	
3	Phan Tất Thành	8	8/8	100%	
4	Trần Thị Hải Hà	8	8/8	100%	

Nội dung các cuộc họp:

- Giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021;
- Thực hiện công việc kiểm soát thường xuyên và thẩm định báo cáo tài chính định kỳ theo quy định;
- Thực hiện các công tác kiểm soát khác theo quy định của pháp luật

Kết quả các cuộc họp:

- Đề xuất, kiến nghị Hội đồng quản trị các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty.
- Đến thời điểm báo cáo, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn khiếu nại của Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và khác về hoạt động quản lý, điều hành của Tổng công ty.
- Ban kiểm soát đã lên kế hoạch để triển khai công việc năm 2022
- Báo cáo về hoạt động quản lý, điều hành của Tổng công ty hàng quý về Đài Truyền hình Việt Nam (Cổ đông nắm giữ cổ phần chi phối) theo yêu cầu.
- Giám sát việc ban hành các quy chế và các văn bản quản trị nội bộ trong Tổng công ty.
- Đề xuất danh sách các Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Tổng Công ty thực hiện việc chi trả lương, thưởng, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Kiểm soát viên theo đúng quy định tại các văn bản hướng dẫn của pháp luật về lao động tiền lương đối với người quản lý doanh nghiệp. Các báo cáo chi tiết về chi trả lương, thưởng, thù lao theo từng vị trí chức danh của Người quản lý được thực hiện và báo cáo trước Chủ sở hữu (Đài THVN) và Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>(đv tính: đồng)</i>	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Hạ tầng Viễn thông VTVcab	Công ty con	NQ phê duyệt phương án Số 16/NĐ-HĐQT-VTVcab ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng quản trị VTVcab với công ty con	100.521.114.710 495.000.000 72.027.000	Mua hàng (chi phí) VTVcab nhận cổ tức Bán hàng (Doanh thu)
2	Công ty CP Công nghệ Việt Thành	Công ty con	NQ Số 02/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 2/4/2021 của Công ty con	56.656.663.537 632.458.845 1.886.336.419 10.710.000.000	VTVcab chia doanh thu Bán hàng (Doanh thu) Mua hàng (chi phí) VTVcab nhận cổ tức
3	Công ty CP Phát triển thể thao VTVcab	Công ty con		9.904.057.347	Mua hàng (chi phí)
4	Công ty Cổ phần truyền hình tương tác Việt Nam	Công ty liên kết		940.946.940 18.538.333.839	Bán hàng (Doanh thu) Mua hàng (chi phí)
5	Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-Huyndai	Công ty liên kết		3.743.939.395	Bán hàng (Doanh thu)
6	Công ty cổ phần Truyền	Công ty liên kết		5.011.000.000	Mua hàng (chi phí)

	thông, Quảng cáo đa phương tiện		NQ Số 02/NĐ-ĐHĐCĐ/SMJ-2021 ký ngày 24/6/2021 ĐHĐCĐ của Công ty liên kết	49.274.393	VTVcab nhận cổ tức
7	Công ty cổ phần VTVcab Nam Định	Công ty liên kết	NQ Số 01/NĐ-ĐHĐCĐ ký ngày 26/4/2021 ĐHĐCĐ của Công ty liên kết	9.386.417.977 1.783.448.893 66.480.624	Bán hàng (Doanh thu) Mua hàng (chi phí) VTVcab nhận cổ tức
8	Công ty cổ phần truyền thông ON+	Công ty liên kết	Nghị quyết Số 2512/2021/ĐHĐCĐ-NQ ngày 25/12/2021 ĐHĐCĐ của Cty liên kết	360.000.000	VTVcab nhận cổ tức

(Số liệu theo Báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã kiểm toán)

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Năm 2021, VTVcab tiếp tục duy trì và tăng cường công tác quản trị nội bộ thông qua các hoạt động chủ yếu sau đây:

- Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung, xây dựng mới hệ thống văn bản quản lý nội bộ phục vụ cho yêu cầu quản lý, xây dựng Quy chế kiểm toán nội bộ, ...

- Công tác thanh tra, kiểm soát nội bộ được triển khai định kỳ, đột xuất nhằm đánh giá tính tuân thủ trong việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ, tuân thủ pháp luật trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư mua sắm, phát hiện các sai sót, tồn tại để ngăn ngừa, khắc phục, giúp cho các hoạt động của Tổng công ty tuân thủ pháp luật, hạn chế các sai sót, tồn tại. Một số hoạt động cụ thể bao gồm:

+ Công tác thanh tra: được thực hiện thường xuyên định kỳ và đột xuất khi có những vụ việc phát sinh.

+ Công tác kiểm soát nội bộ: Từ năm 2020 trở về trước, VTVcab thực hiện công tác lập và soát xét báo cáo tài chính Công ty mẹ hàng quý. Năm 2021, Tổng công ty đã tăng cường công tác lập và soát xét báo cáo tài chính, soát xét việc ghi nhận doanh thu bán hàng định kỳ hàng tháng, kịp thời phát hiện các sai sót, tồn tại và khắc phục kịp thời. Đối với các công ty con, công ty liên kết, VTVcab thực hiện soát xét báo cáo tài chính và tình hình quản trị công ty hàng quý, duy trì chế độ báo cáo của người đại diện vốn hàng quý. Thông qua các hoạt động này đã kiến nghị, đề xuất các nội dung còn tồn tại và theo dõi tình hình thực hiện nhằm khắc phục các tồn tại trong công tác quản trị tại các công ty có vốn góp của Tổng công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của Kiểm toán viên

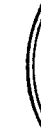
“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo hợp nhất.”

2. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán (Theo bản đính kèm)

CHỦ TỊCH HĐQT
M.SDN. 0102012311 C.T.C.P.
TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN HÌNH CÁP
VIỆT NAM
Đ. BA ĐÌNH - T. PHẠO
Hoàng Ngọc Huân

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về Tổng Công ty	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0105926285 ngày 26 tháng 6 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 6 năm 2012 và được thay đổi lần gần nhất (lần thứ 7) vào ngày 26 tháng 2 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Ngọc Huân
Ông Bùi Huy Năm
Ông Vũ Quang Tạo

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Lãnh đạo

Ông Bùi Huy Năm
Ông Nguyễn Tuấn Anh
Ông Tạ Sơn Đông
Ông Nguyễn Văn Ninh
Ông Lê Trung Tấn
Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
Bà Trần Ngọc Huyền

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Minh Điệp
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
Ông Phan Tất Thành
Bà Trần Thị Hải Hà

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Hoàng Ngọc Huân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trụ sở chính

Số 3/84 Đường Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

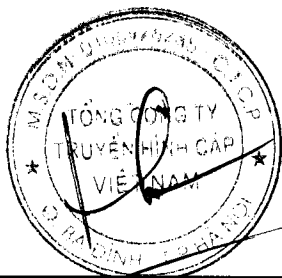
Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cấp Việt Nam (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Người đại diện theo pháp luật được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tổng Công ty và các công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty và các công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và các công ty con thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con đính kèm từ trang 5 đến trang 53. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Hoàng Ngọc Huấn
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cấp Việt Nam ("Tổng Công ty") và các công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 31 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 53.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.2 - Quyết toán cổ phần hóa. Tổng Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2017 cùng các hướng dẫn khác có liên quan. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, việc quyết toán vốn nhà nước, bao gồm cả việc ghi nhận tăng vốn nhà nước đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo đa phương tiện ("Smart Media") tại Tổng Công ty vẫn chưa hoàn thành. Do vậy, báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0298-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Nguyễn Văn Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5082-2019-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3091
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 37)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		864.861.604.512	845.906.912.797
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	94.803.622.835	95.150.859.276
111	Tiền		59.336.622.835	39.073.859.276
112	Các khoản tương đương tiền		35.467.000.000	56.077.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		48.530.000.000	18.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	48.530.000.000	18.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		529.794.517.290	482.864.867.618
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5(a)	432.992.303.518	376.753.262.492
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		17.379.782.888	8.613.722.923
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	147.853.006.393	159.400.642.319
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(68.643.082.401)	(62.129.208.129)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		212.506.892	226.448.013
140	Hàng tồn kho	8	114.613.860.874	152.404.720.011
141	Hàng tồn kho		114.613.860.874	152.404.720.011
150	Tài sản ngắn hạn khác		77.119.603.513	97.486.465.892
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	72.429.055.662	80.367.276.550
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		4.268.864.836	17.112.262.303
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16(a)	421.683.015	6.927.039
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		903.193.683.932	1.029.489.010.710
210	Các khoản phải thu dài hạn		79.817.452.119	69.403.833.509
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	5(b)	22.500.000.000	27.000.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	57.317.452.119	42.403.833.509
220	Tài sản cố định		489.338.709.674	554.727.148.387
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	465.857.928.247	539.765.656.989
222	Nguyên giá		2.889.264.678.530	2.803.390.015.607
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.423.406.750.283)	(2.263.624.358.618)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	23.480.781.427	14.961.491.398
228	Nguyên giá		119.392.278.806	104.525.705.956
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(95.911.497.379)	(89.564.214.558)
240	Tài sản dở dang dài hạn		48.786.088.778	41.280.227.403
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	48.786.088.778	41.280.227.403
250	Đầu tư tài chính dài hạn		38.875.806.964	44.560.799.871
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	38.875.806.964	44.560.799.871
260	Tài sản dài hạn khác		246.375.626.397	319.517.001.540
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	226.620.484.098	288.030.672.843
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12(a)	1.830.586.402	2.241.000.656
269	Lợi thế thương mại	13	17.924.555.897	29.245.328.041
270	TỔNG TÀI SẢN		1.768.055.288.444	1.875.395.923.507

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

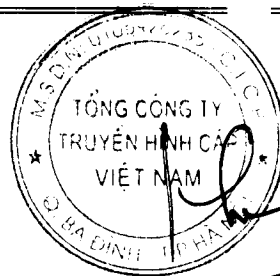
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 37)
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.162.326.744.427	1.277.498.739.379
310	Nợ ngắn hạn		1.072.809.660.712	1.092.854.359.404
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	430.783.299.907	497.543.959.034
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15(a)	206.041.082.756	201.221.077.380
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16(b)	12.304.643.552	19.805.960.735
314	Phải trả người lao động		69.520.599.765	63.329.246.449
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17(a)	31.884.922.926	23.828.571.784
319	Phải trả ngắn hạn khác	18(a)	121.073.728.198	105.945.422.175
320	Vay ngắn hạn	19(a)	143.824.702.284	131.452.718.094
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	57.376.681.324	49.727.403.753
330	Nợ dài hạn		89.517.083.715	184.644.379.975
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	15(b)	12.564.776.345	24.130.609.734
333	Chi phí phải trả dài hạn	17(b)	2.612.349.167	4.873.986.527
337	Phải trả dài hạn khác	18(b)	20.338.723.436	20.202.761.209
338	Vay dài hạn	19(b)	26.450.705.467	111.107.883.680
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	12(b)	24.115.132.850	21.711.113.325
342	Dự phòng phải trả dài hạn		3.435.396.450	2.618.025.500
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		605.728.544.017	597.897.184.128
410	Vốn chủ sở hữu		605.728.544.017	597.897.184.128
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21,22	457.458.760.000	457.458.760.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	22	32.130.000.000	32.130.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	22	8.976.236.003	12.573.184.843
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	42.325.712.100	24.732.309.341
421a	- Lỗ sau thuế lũy kế của các năm trước		(21.046.181.946)	(53.226.682.887)
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		63.371.894.046	77.958.992.228
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	64.837.835.914	71.002.929.944
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.768.055.288.444	1.875.395.923.507



Nguyễn Thị Thu
Người lập



Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng




Hoàng Ngọc Huân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

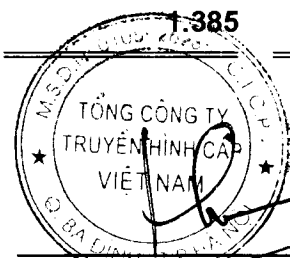
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 VND (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 37)
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.246.610.280.767	2.240.874.426.708
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	37.983.288	28.522.727
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	2.246.572.297.479	2.240.845.903.981
11	Giá vốn	1.726.634.843.385	1.612.584.756.236
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	519.937.454.094	628.261.147.745
21	Doanh thu hoạt động tài chính	2.908.208.338	3.026.596.309
22	Chi phí tài chính	14.961.674.034	33.686.893.816
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	14.329.618.521	33.000.688.552
24	Phần lỗ trong công ty Liên kết	11.056.800.347	23.301.876.661
25	Chi phí bán hàng	174.890.574.264	220.649.137.400
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	233.177.520.696	262.990.762.891
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25 + 26)}	88.759.093.091	90.659.073.286
31	Thu nhập khác	575.383.514	19.092.061.384
32	Chi phí khác	615.293.615	402.153.253
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(39.910.101)	18.689.908.131
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	88.719.182.990	109.348.981.417
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	18.025.472.739	24.475.984.032
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.814.433.779	5.246.255.189
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	67.879.276.472	79.626.742.196
Phân bổ cho:			
61	Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty	63.371.894.046	77.958.992.228
62	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	4.507.382.426	1.667.749.968
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.385	1.024
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.385	1.024


Nguyễn Thị Thu
Người lập


Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng





Hoàng Ngọc Huân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 VND (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 37)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	88.719.182.990	109.348.981.417
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	181.641.917.929	235.358.551.350
03	Các khoản dự phòng	7.331.245.222	(760.785.866)
04	Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	22.472.489	(1.860.967)
05	Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	8.181.034.571	(1.120.590.820)
06	Chi phí lãi vay	14.329.618.521	33.000.688.552
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	300.225.471.722	375.824.983.666
09	Tăng các khoản phải thu	(55.928.501.063)	(60.121.587.287)
10	Giảm hàng tồn kho	37.790.859.137	32.805.087.467
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(70.691.406.641)	46.718.720.973
12	Giảm chi phí trả trước	69.348.409.633	5.142.169.195
14	Tiền lãi vay đã trả	(14.611.487.932)	(34.335.794.658)
15	Thuế TNDN đã nộp	(22.440.927.324)	(14.420.977.273)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(23.258.885.006)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	220.433.532.526	351.612.602.083
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(115.144.623.248)	(79.625.447.272)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	4.500.000.000	5.212.500.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(78.530.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	48.000.000.000	3.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.991.520.793	3.459.244.476
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(138.183.102.455)	(67.953.702.796)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	132.130.727.733	81.948.323.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(204.415.921.756)	(355.767.724.750)
36	Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(10.290.000.000)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(82.575.194.023)	(273.819.401.750)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(324.763.952)	9.839.497.537
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	95.150.859.276	85.309.500.772
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(22.472.489)	1.860.967
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	94.803.622.835	95.150.859.276


 Nguyễn Thị Thu
 Người lập


 Trần Ngọc Huyền
 Kế toán trưởng




 Hoàng Ngọc Huân
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Người đại diện theo pháp luật
 Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam (“Tổng Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105926285 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 6 năm 2012. Tiền thân của Tổng Công ty là Trung tâm dịch vụ kỹ thuật cáp trực thuộc Đài Truyền hình Việt Nam (“VTV”) được thành lập ngày 20 tháng 9 năm 1995. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 để chuyển đổi từ công ty TNHH một thành viên thành công ty cổ phần. Bản sửa đổi gần nhất của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (lần thứ 7) được cấp ngày 26 tháng 2 năm 2021.

Cổ phiếu của Tổng công ty trên thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết với mã giao dịch cổ phiếu là CAB.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền;
- Thực hiện hoạt động viễn thông có dây (điều hành hệ thống phát bằng cáp);
- Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây;
- Quảng cáo truyền hình;
- Thực hiện hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;
- Bán buôn, bán lẻ thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động môi giới bản quyền, sắp xếp cho việc mua-bán bản quyền;
- Cung cấp dịch vụ viễn thông và thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất;
- Xuất bản phần mềm;
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi;
- Hoạt động phát thanh, truyền hình;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; và
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 3 công ty con và 5 công ty liên kết như sau:

Công ty	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	% sở hữu và biểu quyết
Công ty con			
- Công ty CP Công nghệ Việt Thành (i)	Hồ Chí Minh	Dịch vụ truyền hình	51%
- Công ty TNHH MTV Hạ tầng Viễn thông VTCab (ii)	Hà Nội	Hạ tầng viễn thông	100%
- Công ty CP Phát triển Thể thao VTCab (iii)	Hà Nội	Dịch vụ công nghệ thông tin	50,1%
Công ty liên kết			
- Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-Hyundai (iv)	Hồ Chí Minh	Bán hàng trực tuyến	25%
- Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện (v)	Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo và GTGT trực tuyến	20%
- Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam (vi)	Hà Nội	Dịch vụ truyền hình	24%
- Công ty CP VTCab Nam Định (vii)	Nam Định	Dịch vụ truyền hình	39%
- Công ty CP Truyền thông ON+ (viii)	Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	36%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

(i) Công ty CP Công nghệ Việt Thành (“VITA”)

VITA được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302807495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được thay đổi lần gần nhất (lần thứ 16) vào ngày 6 tháng 7 năm 2021. Vốn điều lệ của VITA là 105.000.000.000 Đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ của công ty con. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VITA là hoạt động viễn thông có dây (trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet); hoạt động viễn thông khác; đại lý dịch vụ viễn thông; kinh doanh dịch vụ viễn thông; lắp đặt trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông; truyền hình và buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

(ii) Công ty TNHH MTV Hạ tầng Viễn thông VTVcab (“VTVcab - Inc”)

VTVcab - Inc được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0108801439 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 6 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được thay đổi lần gần nhất (lần thứ 1) vào ngày 15 tháng 3 năm 2021 và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo giấy xác nhận ngày 18 tháng 1 năm 2022. Vốn điều lệ của VTVcab - Inc là 3.000.000.000 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ của công ty con. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VTVcab - Inc là xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình; buôn bán, sửa chữa máy móc thiết bị linh kiện điện tử viễn thông và phần mềm.

(iii) Công ty CP Phát triển Thể thao VTVcab (“VTVcab Sport”)

VTVcab Sport được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0108079365 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được thay đổi lần gần nhất (lần thứ 1) vào ngày 11 tháng 10 năm 2018. Vốn điều lệ của VTVcab Sport là 2.000.000.000 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty sở hữu 50,1% vốn điều lệ của công ty con. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VTVcab Sport là thực hiện hoạt động sản xuất chương trình truyền hình, bán bản quyền quảng cáo.

(iv) Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-Hyundai (“VTV-Hyundai”)

VTV-Hyundai được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313572904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 12 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được thay đổi lần gần nhất (lần thứ 10) vào ngày 17 tháng 5 năm 2021. Vốn điều lệ của VTV-Hyundai là 420.000.000.000 Đồng, tương đương với 20.000.000 Đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty sở hữu 25% vốn điều lệ của công ty liên kết. Hoạt động kinh doanh chính của VTV-Hyundai là thực hiện quyền xuất nhập khẩu, phân phối bán buôn, bán lẻ hàng hóa qua kênh mua sắm truyền hình; quảng cáo; hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

- (iv) Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-Hyundai (“VTV-Hyundai”) (tiếp theo)

Trong năm 2016, Tổng Công ty góp vốn vào VTV-Hyundai bằng bí quyết kỹ thuật phát sóng kênh mua sắm tại nhà cho giai đoạn tám (8) năm từ ngày 1 tháng 3 năm 2016 đến ngày 29 tháng 2 năm 2024 theo Hợp đồng liên doanh ký ngày 27 tháng 5 năm 2014 giữa ba công ty bao gồm Tổng Công ty, Hyundai Home Shopping Network Co., Ltd. và Công ty CP Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam và Hợp đồng sử dụng bí quyết kỹ thuật phát sóng kênh mua sắm tại nhà số 01/2016/HĐSDBQKT/TVcab-VTV-Hyundai ký ngày 8 tháng 1 năm 2016. Giá trị của bí quyết kỹ thuật phát sóng kênh mua sắm này được các bên định giá và thống nhất là 111.275.000.000 đồng (tương đương 25% vốn cổ phần tại VTV-Hyundai). Tổng Công ty đã ghi nhận toàn bộ giá trị của bí quyết kỹ thuật phát sóng kênh mua sắm tại nhà là phần vốn góp đầu tư vào công ty liên kết, đồng thời ghi nhận khoản thu nhập khác và trích trước chi phí ước tính phát sinh trong tám năm liên quan tới việc vận hành kênh mua sắm này. Số dư của các chi phí trích trước được trình bày trong khoản mục “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán và sẽ giảm dần qua các năm cho phần chi phí thực tế phát sinh.

- (v) Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện (“Smart Media”)

Smart Media được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103022641 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 2 năm 2008. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 102662034 được thay đổi lần gần nhất (lần thứ 8) vào ngày 25 tháng 5 năm 2021. Vốn điều lệ của Smart Media là 90.000.000.000 Đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty sở hữu 20% vốn điều lệ của công ty liên kết. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Smart Media là cung cấp và khai thác nội dung, thông tin, dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông, internet và các phương tiện thông tin đại chúng; kinh doanh dịch vụ quảng cáo đa phương tiện; tư vấn, thiết kế trong lĩnh vực quảng cáo, tiếp thị; sản xuất các sản phẩm quảng cáo, dịch vụ truyền thông.

- (vi) Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam (“VTVlive”)

VTVlive được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105941484 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 7 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được thay đổi lần gần nhất (lần thứ 14) vào ngày 15 tháng 1 năm 2021. Vốn điều lệ của VTVlive là 68.000.000.000 Đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty sở hữu 24% vốn điều lệ của công ty liên kết. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VTVlive là cung cấp dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, dịch vụ viễn thông cơ bản bao gồm dịch vụ thuê kênh riêng và dịch vụ kết nối internet; Dịch vụ lắp đặt bảo hành, bảo trì, vận hành kỹ thuật, thu thuê bao, phát triển thuê bao truyền hình cáp và dịch vụ cung cấp bản quyền; Kinh doanh game online; Sản xuất và gia công phần mềm.

- (vii) Công ty CP VTVcab Nam Định (“VTVcab Nam Định”)

VTVcab Nam Định được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600339309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 6 năm 2005. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được thay đổi lần gần nhất (lần thứ 6) vào ngày 6 tháng 10 năm 2015. Vốn điều lệ của VTVcab Nam Định là 21.034.200.000 Đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty sở hữu 39% vốn điều lệ của công ty liên kết. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VTVcab Nam Định là kinh doanh dịch vụ truyền hình cáp trả tiền; hoạt động viễn thông có dây và quảng cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

(viii) Công ty CP Truyền thông ON+ (“ON+”)

ON+ được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314550692 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 8 năm 2017. Vốn điều lệ của ON+ là 10.000.000.000 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty sở hữu 36% vốn điều lệ của ON+. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của ON+ là kinh doanh dịch vụ, sản xuất chương trình, quảng cáo.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và công ty con là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty và các công ty con có 1.540 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.510 nhân viên).

Số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (được trình bày là “Số cuối năm”) là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (được trình bày là “Số đầu năm”) với các điều chỉnh hồi tố được trình bày tại thuyết minh số 37.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.6.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Quyết toán cổ phần hóa

Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2017 cùng các hướng dẫn khác có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty năm 2021 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán công tác cổ phần hóa của Tổng Công ty do Đài Truyền hình Việt Nam (Ban chỉ đạo cổ phần hóa) đang thực hiện hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 8794/BTC-TCDN ngày 1 tháng 8 năm 2019 về việc xử lý phát sinh tăng vốn nhà nước sau thời điểm xác định giá trị cổ phần hóa của Tổng Công ty. Theo đó, Đài Truyền hình Việt Nam (Ban chỉ đạo cổ phần hóa) thực hiện xử lý tài chính liên quan đến cổ phần hóa và đánh giá lại theo hướng dẫn để tăng vốn nhà nước tại Tổng Công ty do nhận vốn đầu tư của Đài Truyền hình Việt Nam bằng giá trị cổ phần tại Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo đa phương tiện (“Smart Media”), với giá trị ghi sổ là 18.000.000.000 VNĐ (Thuyết minh 18(a)).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.2 Quyết toán cổ phần hóa (tiếp theo)

Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang triển khai công tác quyết toán phần vốn nhà nước tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo cổ phần hóa tại Công văn 01/BCĐCPH VTVcab ngày 17 tháng 3 năm 2022. Tổng Công ty không thể ước tính các ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi việc quyết toán cổ phần hóa được hoàn thành.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng Công ty và các công ty con sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2.5 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản và nợ phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.6 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.6 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Phương pháp kế toán mua được Tổng Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, số dư và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng Công ty áp dụng.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Mất quyền kiểm soát

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thay đổi vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi Tổng Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần sở hữu của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tổng Công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó. Sau khi phần sở hữu của Tổng Công ty trong vốn chủ của công ty liên doanh, liên kết giảm xuống bằng không, Tổng Công ty chỉ phải ghi nhận thêm khoản lỗ hoặc nợ phải trả nếu Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên doanh, liên kết các khoản nợ mà Tổng Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Nếu sau đó công ty liên doanh, liên kết hoạt động có lãi, nhà đầu tư chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.6 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản lãi hay lỗ từ các giao dịch giữa Tổng Công ty với các công ty liên doanh liên kết chỉ được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất tương ứng với phần sở hữu của các bên theo quy định kế toán hiện hành.

2.7 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế, và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.8 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào ước tính mức tổn thất đối với các khoản nợ phải thu không có khả năng không thu hồi. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi theo quy định của doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.11 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Lãnh đạo thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận bằng hợp đồng của Tổng Công ty với một hoặc nhiều đối tác để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận của BCC hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát hoặc chia lợi nhuận sau thuế. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia doanh thu và chi phí, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trừ khi có thỏa thuận khác nêu rõ trong hợp đồng hợp tác kinh doanh, tài sản cố định do các bên góp vốn cùng xây dựng chung (mạng truyền hình cáp) để tiến hành hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sẽ được bàn giao sang cho một bên vận hành và kinh doanh. Bên vận hành và kinh doanh sẽ ghi nhận toàn bộ giá trị tài sản cố định đầu tư chung này là tài sản cố định của mình còn phần vốn góp của đối tác sẽ ghi nhận là khoản phải trả dài hạn khác trên báo cáo tài chính của mình. Bên còn lại sẽ ghi phần góp vốn xây dựng tài sản bàn giao là khoản phải thu dài hạn khác trên báo cáo tài chính của mình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.13 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4% - 20%
Máy móc, thiết bị	10% - 33,33%
Phương tiện vận tải	16,67%
Thiết bị quản lý	14% - 33,33%
Phần mềm	10% - 33,33%

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý nhượng bán tài sản cố định với giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý nhượng bán, và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản (bao gồm chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình) và tình hình quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản tại Tổng Công ty khi tiến hành công tác mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn tài sản cố định. Các tài sản trong quá trình xây dựng được ghi nhận theo giá gốc và khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.14 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.15 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm lợi thế thương mại, đầu thu kỹ thuật số, thiết bị cung cấp dịch vụ internet trang bị cho khách hàng và trả trước cho chi phí quảng cáo, bản quyền chương trình truyền hình. Trong đó:

Lợi thế thương mại: phát sinh từ việc Tổng Công ty mua lại các mạng truyền hình cáp và là phần chênh lệch giữa số tiền mà Tổng Công ty đã bỏ ra mua và giá trị hợp lý của các tài sản mà Tổng Công ty nhận được. Giá trị hợp lý của các tài sản mà Tổng Công ty nhận được do các công ty thẩm định giá đánh giá. Theo Công văn số 6443/BTC-CĐKT ngày 16 tháng 5 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành cho Tổng Công ty, lợi thế thương mại này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm kể từ ngày được bàn giao các mạng truyền hình cáp từ bên bán.

Đầu thu kỹ thuật số và thiết bị cung cấp dịch vụ internet: giá trị của các đầu thu kỹ thuật số và thiết bị cung cấp dịch vụ internet mà Tổng Công ty và Công ty con trang bị miễn phí cho khách hàng sử dụng dịch vụ truyền hình và internet của Tổng Công ty và được phân bổ theo đường thẳng trong suốt thời gian khách hàng cam kết sử dụng dịch vụ theo hợp đồng ký với Tổng Công ty và Công ty con.

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.16 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.17 Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay là các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các đối tượng khác. Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản nào trong trường hợp đủ điều kiện vốn hóa theo quy định sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.18 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.19 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tổng Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tổng Công ty và các công ty con trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty và các công ty con chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.21 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác nắm giữ bởi chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty và các công ty con tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.22 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức đã công bố được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Tổng Công ty và các công ty con và được các cổ đông phê chuẩn tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.23 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty và các công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty và các công ty con sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng

Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi được hưởng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi mà Tổng Công ty và các công ty con xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị mà Tổng Công ty và các công ty con đầu tư.

2.24 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.25 Giá vốn

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.26 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.27 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí quảng cáo và chi phí dịch vụ mua ngoài.

2.28 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, lợi thế thương mại và khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.29 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.30 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty và các công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty và các công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty và các công ty con, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty và các công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty và các công ty con, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty và các công ty con căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty và các công ty con một cách toàn diện.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.222.887.220	2.077.585.515
Tiền gửi ngân hàng	42.013.735.615	36.996.273.761
Tiền đang chuyển (*)	16.100.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (**)	35.467.000.000	56.077.000.000
Cộng	94.803.622.835	95.150.859.276

(*) Tiền đang chuyển là khoản tiền giá trị 16.100.000.000 Đồng Việt Nam Tổng Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển tiền cho đối tác đầu tư nhưng bên đối tác đầu tư của Tổng Công ty chưa nhận được tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021. Tại ngày 25 tháng 2 năm 2022, Ngân hàng đã chuyển lại tài khoản của Tổng Công ty số tiền nói trên.

(**) Số dư bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng có mức lãi suất từ 3% đến 3,3% mỗi năm (2020: từ 2,9% đến 4,98% mỗi năm).

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	48.530.000.000	18.000.000.000
Cộng	48.530.000.000	18.000.000.000

(*) Số dư bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng nhưng không quá 12 tháng có mức lãi suất từ 3,7% đến 4,92% mỗi năm (2020: từ 5,93% đến 6,2% mỗi năm).

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo đa phương tiện	18.286.360.009	18.049.614.393
Công ty CP VTVcab Nam Định	8.420.385.134	8.317.003.273
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	8.315.335.757	2.199.527.148
Công ty CP Truyền thông ON+	3.853.726.064	3.703.147.039
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-Hyundai	-	12.291.508.018
Cộng	38.875.806.964	44.560.799.871

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 VND
Số dư đầu năm	44.560.799.871	68.131.832.994
Phân chia kết quả hoạt động SXKD trong năm	(11.056.800.347)	(23.301.876.661)
Nhận cổ tức từ công ty liên kết trong năm	(475.755.017)	(269.156.462)
Khác (*)	5.847.562.457	-
Số dư cuối năm	38.875.806.964	44.560.799.871

(*) Đây là điều chỉnh lại số liệu phân chia kết quả hoạt động SXKD trong các năm trước do thay đổi tỷ lệ sở hữu.

5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

(a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 37)
Bên thứ ba	431.350.362.532	366.033.020.787
<i>Trong đó</i>		
- Công ty CP Tập đoàn FLC (*)	75.812.787.918	40.808.376.143
- Tổng Công ty Truyền thông – VNPT Media	71.271.069.836	16.919.807.400
- Công ty CP Phát triển thương hiệu Yeah1	46.980.000.000	11.023.480.000
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel - CN Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	22.229.922.071	46.682.388.913
- Các khách hàng khác	215.056.582.707	250.598.968.331
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	1.641.940.986	10.720.241.705
Cộng	432.992.303.518	376.753.262.492
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 7)	(48.375.038.505)	(49.228.324.312)

(*) Khoản phải thu từ Công ty CP Tập đoàn FLC (“FLC”) phản ánh giá trị dịch vụ Tổng Công ty đã cung cấp cho FLC, hình thức thanh toán quy định trong hợp đồng được FLC thanh toán cho Tổng công ty thông qua việc cung cấp và/hoặc thanh toán phí sử dụng (các) dịch vụ/sản phẩm do FLC và/hoặc các Công ty thành viên của FLC cung cấp cho Tổng Công ty được quy định tại các Hợp đồng cụ thể.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

	(b) Dài hạn	(a) Ngân hàn
Cộng	22.500.000.000	27.000.000.000
Công ty CP Truyền hình cáp Sông Thu	22.500.000.000	27.000.000.000
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND

6 PHẢI THU KHÁC

	(a) Ngân hàn	(b) Dài hạn
Bên thứ ba	154.682.225.618	142.733.246.319
Trong đó:		
- Phải thu từ các đơn vị hợp tác kinh doanh (*)	125.480.138.499	110.500.555.415
- Phải thu khác	29.202.087.119	32.232.690.904
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	4.718.416.701	5.119.760.074
Cộng	159.400.642.319	147.853.006.393
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7)	(12.900.883.817)	(16.981.210.563)
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND

(*) Phải thu từ các đơn vị hợp tác kinh doanh là các khoản phải thu liên quan tới các hoạt động phát sinh theo các hợp đồng BCG giữa Tổng Công ty và các đơn vị hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng, vận hành và kinh doanh các mảng truyền hình cáp để cung cấp dịch vụ truyền hình cáp, truyền hình số và các dịch vụ, hàng hóa liên quan khác. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Dịch vụ Viễn Thông Trí Việt	46.184.526.462	37.136.670.094
Công ty CP Truyền thông Xây dựng Thành An	8.545.062.080	29.678.463.492
Các đơn vị khác	55.770.966.873	58.665.004.913
Cộng	110.500.555.415	125.480.138.499



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

6 PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Góp vốn các đơn vị hợp tác kinh doanh (*)	56.531.842.519	41.351.223.909
Ký quỹ, ký cược	785.609.600	1.052.609.600
Cộng	57.317.452.119	42.403.833.509

(*) *Góp vốn vào các đơn vị hợp tác kinh doanh* là các khoản góp vốn bằng tiền, tài sản của Tổng Công ty cho các đơn vị hợp tác kinh doanh để thực hiện các hợp đồng BCC nhằm xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp ngoại trừ Công ty Cổ phần Yeosim - VTVcab đang kinh doanh các dịch vụ khác. Các mạng truyền hình cáp được bàn giao cho các đơn vị đó theo hợp đồng BCC để vận hành và khai thác (Thuyết minh 2.12). Khoản góp vốn này được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản mục trên tại thời điểm góp vốn. Việc thu hồi khoản vốn góp sẽ được thực hiện theo quy định của hợp đồng BCC khi hợp đồng kết thúc và giá trị thu hồi sẽ được xác định tại thời điểm đó. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Yeosim - VTVcab	15.000.000.000	-
Công ty CP Truyền hình cáp Hải Dương	11.373.717.299	11.373.717.299
Công ty CP Truyền hình cáp Nghệ An	9.286.774.536	9.286.774.536
Công ty CP Đầu tư Truyền hình cáp HT	5.963.842.969	5.963.842.969
Công ty CP Điện tử Tin học Viễn thông	5.000.000.000	5.000.000.000
Các đơn vị khác	9.907.507.715	9.726.889.105
Cộng	56.531.842.519	41.351.223.909





8 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gia gốc	Dự phòng	Gia gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang di trên đường	-	-	97.210.000	-
Nguyên vật liệu	82.594.088.961	-	85.099.907.100	-
Công cụ, dụng cụ	4.616.484.563	-	5.145.136.073	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.405.366.508	-	546.336.318	-
Hàng hóa	19.985.939.955	-	61.287.206.386	-
Hàng gửi đi bán	11.980.887	-	228.924.134	-
Cộng	114.613.860.874	-	152.404.720.011	-

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngân hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí quảng cáo, bản quyền, sản xuất chương trình truyền hình	64.912.801.736	-	71.509.623.255	-
Chi phí thuê văn phòng	1.669.002.435	-	2.248.673.665	-
Chi phí khác	5.847.251.491	-	6.608.979.630	-
Cộng	72.429.055.662	-	80.367.276.550	-

(b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Lợi thế thương mại phát sinh từ các hợp đồng mua tài sản (Thuyết minh 2.15)	84.911.069.350	-	116.688.413.650	-
Chi phí bản quyền chương trình truyền hình	59.294.383.775	-	85.069.853.394	-
Đầu thu kỹ thuật số (Thuyết minh 2.15)	43.219.196.104	-	33.577.725.897	-
Thiết bị cung cấp dịch vụ internet	19.498.800.270	-	20.934.269.735	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.570.237.738	-	11.844.130.943	-
Chi phí khác	13.126.796.861	-	19.916.279.224	-
Cộng	226.620.484.098	-	288.030.672.843	-

Số đầu năm
VND
(Điều chỉnh lại -
Thuyết minh 37)





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá		Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)		Tài ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Tài ngày 1 tháng 1 năm 2021	Tài ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tài ngày 1 tháng 1 năm 2021	Tài ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tài ngày 1 tháng 1 năm 2021	Tài ngày 31 tháng 12 năm 2021
Nguyên giá	3.252.780.000	3.252.780.000	3.252.780.000	3.252.780.000	3.252.780.000	3.252.780.000
Mua mới trong năm	-	-	-	-	-	-
Tài ngày 1 tháng 1 năm 2021	101.272.925.956	104.525.705.956	12.228.327.850	12.228.327.850	12.228.327.850	12.228.327.850
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	-	-	2.638.245.000	2.638.245.000	2.638.245.000	2.638.245.000
Tài ngày 31 tháng 12 năm 2021	116.139.498.806	119.392.278.806	116.139.498.806	116.139.498.806	116.139.498.806	116.139.498.806
Khấu hao lũy kế	Tài ngày 1 tháng 1 năm 2021	(89.564.214.558)	Tài ngày 1 tháng 1 năm 2021	(89.564.214.558)	(89.564.214.558)	(89.564.214.558)
Khấu hao trong năm	-	(6.347.282.821)	-	(6.347.282.821)	(6.347.282.821)	(6.347.282.821)
Tài ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	(95.911.497.379)	-	(95.911.497.379)	(95.911.497.379)	(95.911.497.379)
Giá trị còn lại	Tài ngày 1 tháng 1 năm 2021	11.708.711.398	Tài ngày 1 tháng 1 năm 2021	11.708.711.398	11.708.711.398	11.708.711.398
Tài ngày 31 tháng 12 năm 2021	3.252.780.000	3.252.780.000	3.252.780.000	3.252.780.000	3.252.780.000	3.252.780.000

(*) Quyền sử dụng đất: là quyền sử dụng đất không thời hạn cho hai khu đất của Tổng Công ty tại số 89 Giang Văn Minh, Phường Đồi Cẩn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội và số 12 Nguyễn Văn Trỗi, Thị trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 85.510.837.456 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 76.273.308.326 Đồng).

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm chi phí lấp đất, xây dựng, nâng cấp các mảng truyền hình cáp và các máy móc, thiết bị đang lắp đặt, chạy thử chưa đưa vào sử dụng. Biên động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Số dư đầu năm		Số dư cuối năm	
	Từ 1/1/2021	Từ 1/1/2021	Từ 1/1/2020	Từ 1/1/2020
Tăng	41.280.227.403	66.824.284.169	22.625.553.015	67.887.703.225
Chiến sang tài sản cố định hữu hình	(54.232.190.106)	(45.457.501.175)	(2.638.245.000)	(45.457.501.175)
(Thuyết minh 10(a))				
Chiến sang tài sản cố định vô hình	(2.638.245.000)	(2.447.987.688)	-	(3.775.527.662)
(Thuyết minh 10(b))				
Chiến sang chi phí trả trước	(2.447.987.688)	(2.447.987.688)	-	(3.775.527.662)
Số dư cuối năm	48.786.088.778	41.280.227.403	41.280.227.403	41.280.227.403



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

12 THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

(a) Tài sản thuế thu nhập hoàn lại

Biên động về tài sản thuế TNDN hoàn lại trong năm như sau:

	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020
Số dư đầu năm	2.241.000.656	2.816.250.478
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(410.414.254)	(575.249.822)
Số dư cuối năm	1.830.586.402	2.241.000.656

(b) Thuế thu nhập hoàn lại phải trả

Biên động về thuế TNDN hoàn lại phải trả trong năm như sau:

	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020
Số dư đầu năm	21.711.113.325	17.040.107.958
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	2.404.019.525	4.671.005.367
Số dư cuối năm	24.115.132.850	21.711.113.325

13 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Số cuối năm
VND

Số đầu năm
VND

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua
Công ty CP Công nghệ Việt Thành

Cộng

Biên động về lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh trong năm như sau:

	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020
Số dư đầu năm	29.245.328.041	40.566.100.187
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 33)	(11.320.772.144)	(11.320.772.146)
Số dư cuối năm	17.924.555.897	29.245.328.041



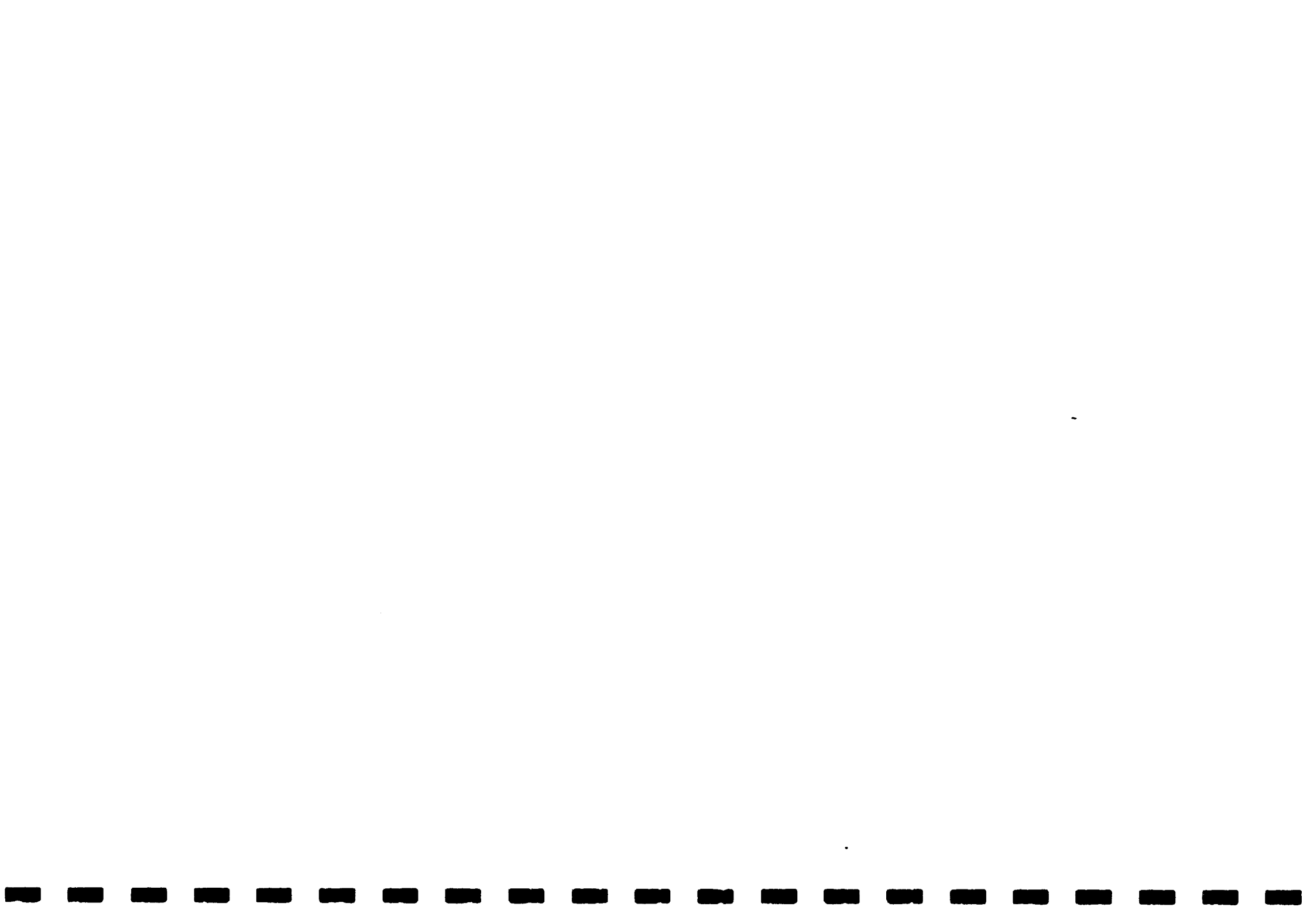
14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẠN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bên thứ ba	391.991.090.160	444.901.430.057
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Truyền thông tương lai Việt Nam	29.933.625.300	14.482.773.009
- Công ty TNHH Q.NET	29.882.163.158	12.533.873.750
- Công ty CP Thương mại & Nội dung Số Việt	27.006.516.000	33.179.726.217
- Các nhà cung cấp khác	305.168.785.702	384.705.057.081
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	38.792.209.747	52.642.528.977
Cộng	430.783.299.907	497.543.959.034

15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	198.391.029.535	197.164.748.746
Bên thứ ba (*)	7.650.053.221	4.056.328.634
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))		
(a)	206.041.082.756	201.221.077.380
Dài hạn	2.682.276.342	3.898.791.552
Bên thứ ba (*)	9.882.500.003	20.231.818.182
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))		
(b)	12.564.776.345	24.130.609.734

(*) Khoản mục này chủ yếu bao gồm tiền trả trước của khách hàng sử dụng dịch vụ truyền hình, internet, tiền bản quyền truyền hình và dịch vụ quảng cáo.



16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
(a) Phải thu	103.074.790	5.136.417
Thuế thu nhập cá nhân	316.817.603	1.790.622
Thuế TNDN		
Thuế khác		
Cộng	421.683.015	6.927.039
(b) Phải nộp	5.910.569.586	8.214.359.118
Thuế GTGT	4.859.246.195	9.236.444.082
Thuế TNDN	446.036.692	2.199.819.243
Thuế thu nhập cá nhân	1.088.791.079	155.338.292
Thuế khác		
Cộng	12.304.643.552	19.805.960.735

(Điều chỉnh lại -
Thuyết minh 37)

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
(a) Ngân hàn	5.806.822.206	4.183.549.154
Chi phí sản xuất chương trình	5.111.500.000	195.160.606
Chi phí bảo trì, vận hành hệ thống	5.177.130.253	2.580.863.335
Chi phí trích trước liên quan tới việc góp vốn vào VTV-Hyundai - ngân hàn (Thuyết minh 1(iv))	2.261.637.360	2.306.499.396
Chi phí thuê cột điện	848.457.497	3.940.914.264
Chi phí mua sắm TSCĐ	25.159.044	5.187.395.359
Chi phí lãi vay	267.218.065	549.087.476
Chi phí khác	12.386.998.501	4.885.102.194
Cộng	31.884.922.926	23.828.571.784

(b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trích trước liên quan tới việc góp vốn vào VTV-Hyundai (Thuyết minh 1(iv))	2.612.349.167	4.873.986.527
Cộng	2.612.349.167	4.873.986.527



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba	76.698.538.236	82.167.128.690
<i>Trong đó:</i>		
- Phải trả cho các đơn vị hợp tác kinh doanh (*)	59.328.521.110	64.704.035.390
- Phải trả khác	17.370.017.126	17.463.093.300
Cổ tức phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	24.343.781.040	-
Cổ tức phải trả cho người lao động	358.992.000	-
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	42.115.937	4.147.992.500
Phải trả liên quan đến cổ phần hóa (**)	19.630.300.985	19.630.300.985
	<u>121.073.728.198</u>	<u>105.945.422.175</u>

(*) *Phải trả khác cho các đơn vị hợp tác kinh doanh* là khoản phải trả liên quan tới các hoạt động phát sinh theo các hợp đồng BCC giữa Tổng Công ty và các đơn vị hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp để cung cấp dịch vụ truyền hình cáp, truyền hình số và các dịch vụ, hàng hóa liên quan khác. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Công nghệ truyền thông Á Việt	10.386.886.892	4.626.298.500
Tổng Công ty Viễn thông Viettel - CN Tập Đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	10.363.648.275	6.292.697.725
Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	9.330.060.947	9.141.395.617
Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC	5.537.881.588	13.725.678.302
Các đơn vị khác	23.710.043.408	30.917.965.246
Cộng	<u>59.328.521.110</u>	<u>64.704.035.390</u>

(**) Phải trả liên quan đến cổ phần hóa bao gồm chênh lệch các khoản thu, chi từ cổ phần hóa theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ và Thông tư 40/2018/TT-BTC, Thông tư 41/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 4 tháng 5 năm 2018.

Khoản phải trả bao gồm cả khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện (“Smart Media”) mà Tổng Công ty nhận chuyển giao từ VTV sau ngày định giá doanh nghiệp 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị ghi sổ tại thời điểm chuyển giao là 18.000.000.000 Đồng Việt Nam. Tổng Công ty sẽ xử lý khoản mục phải trả này sau khi quyết toán cổ phần hóa được hoàn thành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

18 PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)**(b) Dài hạn**

Phải trả dài hạn khác chủ yếu là các khoản góp vốn bằng tài sản, tiền, vật tư của các đơn vị khác chuyển cho Tổng Công ty để thực hiện các hợp đồng BCC nhằm xây dựng, vận hành và kinh doanh các trạm truyền hình cáp mà trong đó các mạng truyền hình cáp được bàn giao cho Tổng Công ty để vận hành và khai thác (Thuyết minh 2.12). Khoản nhận góp vốn này được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản mục trên tại thời điểm nhận vốn góp. Việc hoàn trả khoản góp vốn sẽ được thực hiện theo quy định của hợp đồng BCC khi hợp đồng kết thúc và giá trị sẽ được xác định tại thời điểm này. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cho các đơn vị hợp tác kinh doanh	19.137.761.209	19.137.761.209
Trong đó:		
- Công ty TNHH Điện tử Sao Đỏ	7.081.297.099	7.081.297.099
- Công ty CP Sông Việt Thanh Hóa	5.486.977.045	5.486.977.045
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Phát triển Viễn thông Sao Đỏ	4.474.265.842	4.474.265.842
- Các đơn vị khác	2.095.221.223	2.095.221.223
Phải trả khác	1.200.962.227	1.065.000.000
Cộng	20.338.723.436	20.202.761.209



	Số đầu năm VND	Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Số cuối năm VND
(a) Vay ngắn hạn	131.192.718.094	132.130.727.733	(204.155.921.756)	84.657.178.213	143.824.702.284
Vay ngắn hạn (*)	131.192.718.094	132.130.727.733	(204.155.921.756)	84.657.178.213	143.824.702.284
Vay khác	260.000.000	-	(260.000.000)	-	-
(b) Vay dài hạn	111.107.883.680	-	-	(84.657.178.213)	26.450.705.467
Vay dài hạn (**)	111.107.883.680	-	-	(84.657.178.213)	26.450.705.467
	111.107.883.680	-	-	(84.657.178.213)	26.450.705.467

(*) Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay bằng Đồng Việt Nam có thời hạn vay không quá 12 tháng nhằm mục đích huy động nguồn vốn kinh doanh cho Tổng Công ty và được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ vốn vay và doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và chịu yếu tố rủi ro tín dụng của Tổng Công ty con. Các khoản vay còn giá trị tại 31 tháng 12 năm 2021 có mức lãi suất từ 4,5% đến 9,3% mỗi năm (tài sản hình thành từ vốn vay và doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty con. Các khoản vay còn giá trị tại 31 tháng 12 năm 2020 là từ 5,09% đến 10,5% mỗi năm).

(**) Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay bằng Đồng Việt Nam có thời hạn vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng phục vụ cho mục đích huy động nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty và chịu yếu tố rủi ro tín dụng của Tổng Công ty con. Các khoản vay còn giá trị tại 31 tháng 12 năm 2021 có mức lãi suất từ 8,26% đến 8,6% mỗi năm (tài sản hình thành từ vốn vay và doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty con. Các khoản vay còn giá trị tại 31 tháng 12 năm 2020 là từ 5,09% đến 9,3% mỗi năm), được tính và điều chỉnh dựa theo lãi suất huy động tiết kiệm hoặc lãi suất cho vay danh cho doanh nghiệp và tùy theo thỏa thuận của từng hợp đồng vay ký kết với ngân hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

19 CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)

Chi tiết số dư các khoản vay ngân hàng của Tổng Công ty và các công ty con như sau:

Số cuối năm		Số đầu năm	
Ngân hàng VND		Ngân hàng VND	
Dãi hạn VND		Dãi hạn VND	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	44.840.692.640	13.840.000.000	6.901.087.640
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	44.400.911.059	44.394.819.852	61.421.173.906
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	21.718.473.529	27.504.251.830	11.718.473.614
Ngân hàng TMCP Quân đội	16.485.130.756	13.815.091.556	16.485.130.756
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	16.379.494.300	31.638.554.856	14.582.017.764
9.430.442.620	26.450.705.467	143.824.702.284	111.107.883.680
Cộng			



20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
57.376.681.324	49.727.403.753
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	
Biên động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:	
Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Tổng Công ty)	Sử dụng quỹ trong năm
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Công ty con)	Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi (Công ty con)
29.965.452.682	(653.879.004)
49.726.600.096	(23.258.885.006)
4.559.000.000	(4.861.041.786)
302.845.443	49.727.403.753
Từ 1/1/2021	Từ 1/1/2020
đến 31/12/2021	đến 31/12/2020
VND	VND

21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

Số dư cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	Số đầu năm
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Tổng Công ty)	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Công ty con)	Số lượng cổ phiếu đã phát hành
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi (Công ty con)	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
Sử dụng quỹ trong năm	Số lượng cổ phiếu đã phát hành
Số dư cuối năm	Số đầu năm
57.376.681.324	45.745.876
49.727.403.753	45.745.876
4.559.000.000	45.745.876
302.845.443	45.745.876
Từ 1/1/2021	Số đầu năm
đến 31/12/2021	Cổ phiếu
VND	phổ thông

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Số cuối năm	Số đầu năm
Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	Cổ phiếu
phổ thông	phổ thông
%	%
45.081.076	45.081.076
98,55	98,55
664.800	664.800
1,45	1,45
45.745.876	45.745.876
100	100

Đại Truyền hình Việt Nam
Người lao động của Tổng Công ty

Số lượng cổ phiếu đã phát hành

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.





CÔNG TY CỔ PHẦN TÔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM		Mẫu số B 09 – DN/HN	
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT			
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021			
TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)			
22	TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)	(*) Theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐQT-VTVcab của Hội đồng quản trị ngày 7 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty quyết định phân phối lợi nhuận như sau:	
		- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 29.337.337,682 Đồng;	- Chia cổ tức với số tiền 24.702.773,040 Đồng, tương đương 540 Đồng/cổ phiếu (Thuyết minh 18);
23	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	Chi tiết của lợi ích cổ đông không kiểm soát như sau:	
		Số cuối năm	Số đầu năm
		64.837.835.914	71.002.929.944
		63.670.322.171	69.893.377.877
		1.167.513.743	1.109.552.067
		Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại các công ty con:	
		- Công ty CP Công nghệ Việt Thành	
		- Công ty CP Phát triển Thẻ thao VTVcab	
	Công	64.837.835.914	71.002.929.944
		Biên động về lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:	
		Từ 1/1/2021	Từ 1/1/2020
		đến 31/12/2021	đến 31/12/2020
		VND	VND
		69.829.192.989	1.631.335.760
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư đầu năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		Phân bổ lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản	
		Xuất kinh doanh trong năm	
		Chia cổ tức	
		Khác	
	Số dư cuối năm	69.893.377.877	69.829.192.989
		63.670.322.171	69.893.377.877
		4.452.143.582	1.631.335.760
		(10.290.000.000)	-
		(385.199.288)	(1.567.150.872)
	Số dư cuối năm	63.670.322.171	69.893.377.877
		69.893.377.877	69.829.192.989



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

24 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm:

	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 (*)	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	63.371.894.046	77.958.992.228
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (VND)	-	(31.093.653.289)
Cộng	63.371.894.046	46.865.338.939
Bình quân số cổ phiếu đang lưu hành	45.745.876	45.745.876
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.385	1.024

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty chưa có cơ sở ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2021 do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, lợi nhuận thuần thuộc về Cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2020 đã điều chỉnh lại sau kiểm tra của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 37) và dựa trên số trích quỹ khen thưởng phúc lợi thực tế đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trích từ lợi nhuận sau thuế của năm 2020 như sau:

	Năm 2020		
	Theo báo cáo đã công bố	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	62.068.570.174	15.890.422.054	77.958.992.228
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (VND)	(54.285.600.096)	23.191.946.807	(31.093.653.289)
Cộng	7.782.970.078	39.082.368.861	46.865.338.939
Bình quân số cổ phiếu đang lưu hành	45.745.876	-	45.745.876
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	170	854	1.024



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM		Mẫu số B 09 – DN/HN	
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT			
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021			
LẠI TRÊN CỘ PHIẾU (TIẾP THEO)			
24	LẠI TRÊN CỘ PHIẾU (TIẾP THEO)		
<p>Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.</p>			
25	DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020
	Doanh thu	1.881.383.452	5.254.172.744
	Doanh thu bán hàng	1.881.383.452	5.254.172.744
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.507.738.421.553	2.545.167.189.719
	Doanh thu được chia từ các đơn vị hợp tác	111.154.145.685	111.367.014.336
	Kinh doanh theo hợp đồng BCC		
	Doanh thu phần chia cho các đơn vị hợp tác	(374.163.669.923)	(420.913.950.091)
	Kinh doanh theo hợp đồng BCC		
	Doanh thu phần chia cho các đơn vị hợp tác	2.246.610.280.767	2.240.874.426.708
	Các khoản giảm trừ	(37.983.288)	(28.522.727)
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.246.572.297.479	2.240.845.903.981
26	GIÁ VỐN	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020
	Giá vốn hàng hóa đã bán	1.132.723.603	4.308.141.228
	Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.705.385.327.406	1.587.724.062.449
	Chi phí được chia từ các đơn vị hợp tác	92.434.211.733	100.725.277.023
	Kinh doanh theo hợp đồng BCC		
	Chi phí phân chia cho các đơn vị hợp tác	(72.317.419.357)	(80.172.724.464)
	Kinh doanh theo hợp đồng BCC		
	Chi phí được chia từ các đơn vị hợp tác	1.726.634.843.385	1.612.584.756.236
	Cộng		

HN
★



THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lãi tiền gửi	2.875.765.776
	Doanh thu hoạt động tài chính khác	32.442.562
		2.908.208.338
		2.908.208.338
		Từ 1/1/2021
		đến 31/12/2021
		VND
		2.939.203.704
		87.392.605
		3.026.596.309
		3.026.596.309
		Từ 1/1/2020
		đến 31/12/2020
		VND

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Chi phí lãi vay	14.329.618.521
	Chi phí tài chính khác	632.055.513
		14.961.674.034
		14.961.674.034
		Từ 1/1/2021
		đến 31/12/2021
		VND
		33.000.688.552
		686.205.264
		33.686.893.816
		33.686.893.816
		Từ 1/1/2020
		đến 31/12/2020
		VND

29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Chi phí quảng cáo	111.609.080.121
	Chi phí nhân viên	34.871.122.649
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.673.124.225
	Chi phí chia cho các đơn vị hợp tác	1.071.470.423
	Chi phí doanh theo hợp đồng BCC	(334.223.154)
	Chi phí khác	162.431.547.004
		32.064.423.861
		24.041.527.069
		(671.507.056)
		2.783.146.522
		174.890.574.264
		174.890.574.264
		Từ 1/1/2021
		đến 31/12/2021
		VND
		162.431.547.004
		32.064.423.861
		24.041.527.069
		(671.507.056)
		2.783.146.522
		220.649.137.400
		220.649.137.400
		Từ 1/1/2020
		đến 31/12/2020
		VND
		(Điều chỉnh lại -
		Thuyết minh 37)



THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Từ 1/1/2021
đến 31/12/2021
VND
(Điều chỉnh lại -
Thuyết minh 37)

88.039.505.390	78.669.008.823
41.154.959.412	33.314.440.682
36.356.384.566	34.433.498.912
31.777.344.300	31.777.344.300
31.966.316.320	14.294.132.759
1.539.415.117	6.513.874.272
11.320.772.146	11.320.772.144
10.839.830.191	9.307.348.787
9.048.958.489	8.391.480.005
(10.899.401.777)	(6.907.133.125)
11.846.678.737	12.062.753.137
262.990.762.891	233.177.520.696

Chi phí nhân viên
Chi phí mua ngoài
Chi phí dịch vụ thuê ngoài
Lợi thế thương mại phát sinh từ các
hợp đồng BCC
Chi phí công tác, hội thảo và đào tạo
Trích lập/quản nhập chi phí dự phòng
nợ phải thu khó đòi
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất
kinh doanh
Chi phí khấu hao TSCĐ
Đồ dùng thiết bị văn phòng
Chi phí chia cho các đơn vị hợp tác kinh doanh
theo hợp đồng BCC
Chi phí khác

Cộng

31 THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

Từ 1/1/2021
đến 31/12/2021
VND
(Điều chỉnh lại -
Thuyết minh 37)

17.671.074.649	-
1.420.986.735	575.383.514
19.092.061.384	575.383.514

Thu nhập khác
Lãi thuần do thanh lý, nhượng bán TSCĐ (*)
Khác

Cộng

(*) Đây là khoản lãi phát sinh từ chuyển nhượng tài sản là hệ thống mạng cáp quang truyền dẫn, các thiết bị và thuê bao định kèm tài sản để cung cấp dịch vụ internet có sẵn của Tổng Công ty tại địa bàn Thành phố Hà Nội cho đối tác.

264.618.009	286.171.921
137.535.244	329.121.694
402.153.253	615.293.615

(Lãi)/lợi nhuận khác

Cộng

18.689.908.131



(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cộng	
Thuế TNDN - hiện hành	18.025.472.739
Thuế TNDN - hoãn lại	2.814.433.779
Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021	20.839.906.518
Thuế TNDN - hiện hành	24.475.984.032
Thuế TNDN - hoãn lại	5.246.255.189
Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020	29.722.239.221

Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Chi phí TNDN (*)	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	88.719.182.990
Thuế tính ở thuế suất 20%	17.743.836.598
Điều chỉnh:	
Thu nhập không chịu thuế	(2.719.736.127)
Chi phí không được khấu trừ	73.441.588
Ảnh hưởng của các điều chỉnh hợp nhất khác	6.811.665.503
Khác	(1.069.301.044)
Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021	20.839.906.518
Lợi nhuận kế toán trước thuế	109.348.981.417
Thuế tính ở thuế suất 20%	21.869.796.285
Điều chỉnh:	
Thu nhập không chịu thuế	(352.850.380)
Chi phí không được khấu trừ	790.217.665
Ảnh hưởng của các điều chỉnh hợp nhất khác	6.978.361.052
Khác	436.714.599
Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020	29.722.239.221

Chi phí thuế TNDN của Tổng Công ty và các công ty con trong năm được trình bày như sau:

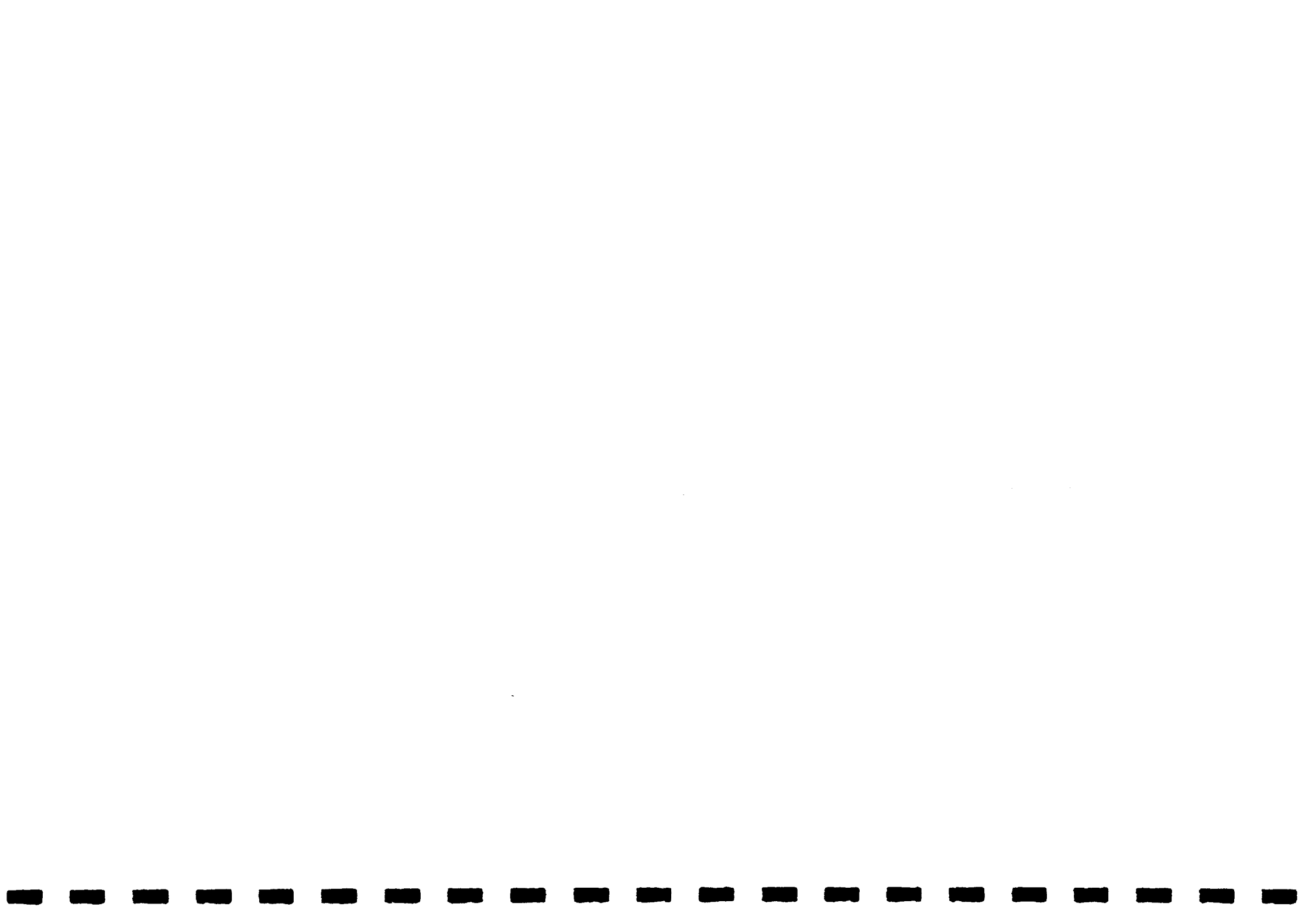
32 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Mẫu số B 09 – DN/HN

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẬP VIẾT NAM





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

34 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

(b) Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Tất cả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty được kiểm soát bởi Đài Truyền hình Việt Nam (“VTV”), đơn vị sở hữu 98,55% cổ phần của Tổng Công ty.

Các bên liên quan có giao dịch với Tổng Công ty và các công ty con trong năm như sau:

Công ty	Quan hệ
Đài Truyền hình Việt Nam	Cổ đông chiếm trên 51% vốn
Văn phòng Đài – VTV	Trực thuộc VTV
Ban Biên tập Truyền hình cấp – VTV	Trực thuộc VTV
Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ truyền hình - VTV	Trực thuộc VTV
Trung tâm sản xuất và phát triển nội dung số - VTV	Trực thuộc VTV
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	Công ty con của VTV
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist (“SCTV”)	Công ty liên doanh của VTV
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-Hyundai	Công ty liên kết
Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện	Công ty liên kết
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty CP VTVcab Nam Định	Công ty liên kết
Công ty CP Truyền thông ON+	Công ty liên kết

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	47.151.381.684	32.626.825.794
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	44.537.202.289	48.248.478.233
Công ty CP VTVcab Nam Định	9.386.417.977	10.448.436.295
Ban Biên tập Truyền hình Cấp - VTV	1.131.175.370	1.111.094.756
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	940.946.940	1.240.473.769
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-Hyundai	3.743.939.395	-
Cộng	106.891.063.655	93.675.308.847





**THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
Trả trước cho người bán ngân hàng	
122.833.211	122.833.211
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	
Công	
122.833.211	122.833.211
Phải thu ngân hàng khác (Thuyết minh 6(a))	
3.222.500.000	3.222.500.000
1.537.260.074	1.495.916.701
360.000.000	-
Công ty CP Truyền thông ON+	
Công ty CP VTCab Nam Định	
Công ty CP Truyền thông ON+	
Công	
5.119.760.074	4.718.416.701
Phải trả người bán ngân hàng (Thuyết minh 14)	
13.064.983.941	29.974.521.754
8.280.775.000	10.042.175.000
2.690.480.000	-
8.534.159.650	5.876.313.000
3.071.811.156	4.894.799.223
3.150.000.000	-
Văn phòng Đại Truyền hình Việt Nam	
phương tiện	
Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo đa	
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	
VTV	
Trung tâm sản xuất và phát triển nội dung số -	
Ban Biên tập Truyền hình cáp - VTV	
Công ty CP Truyền thông ON+	
VTV	
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	
Công ty TNHH Mua Sắm Tài Nhà VTV-Hyundai	
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	
Người mua trả tiền trước ngân hàng (Thuyết minh 15(a))	
-	3.030.303.027
6.605.378.784	-
1.008.220.980	1.026.025.607
36.453.457	-
7.650.053.221	4.056.328.634
Công	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Người mua trả tiền trước dài hạn (Thuyết minh 15(b))		
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-Hyundai (*)	9.882.500.003	20.231.818.182
Cộng	9.882.500.003	20.231.818.182

(*) Số dư đầu năm liên quan đến khoản trả trước của VTV-Hyundai cho việc thuê quyền phát sóng kênh mua sắm tại nhà cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 3 năm 2024 đến ngày 28 tháng 2 năm 2027. Quyền phát sóng kênh mua sắm tại nhà cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 3 năm 2016 đến ngày 29 tháng 2 năm 2024 đã được Tổng Công ty ghi nhận là vốn góp vào VTV-Hyundai (Thuyết minh 1(iv)).

Trong năm 2021, hai bên đã ký phụ lục thống nhất chuyển đổi toàn bộ khoản thanh toán trả trước trên thành phần thanh toán cho Phí truyền dẫn kênh truyền hình SCTV10 trên hệ thống dịch vụ truyền hình cáp, truyền hình kỹ thuật số và dịch vụ truyền hình trên mạng Internet của VTCab từ ngày 1 tháng 6 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2024.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	404.380.269	-
Cộng	404.380.269	-
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18(a))		
Đài Truyền hình Việt Nam	24.343.781.040	-
Công ty CP VTCab Nam Định	42.115.937	20.492.500
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-Hyundai	-	4.127.500.000
Cộng	24.385.896.977	4.147.992.500

36 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dưới 1 năm	37.500.524.701	28.431.655.818
Từ 1 đến 5 năm	73.652.509.097	69.266.658.005
Trên 5 năm	6.586.818.166	26.116.814.626
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	117.739.851.964	123.815.128.449



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẬP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

37 ĐIỀU CHỈNH HỢI TỎ

Trong năm, Tổng công ty nhận được kết quả kiểm tra của Kiểm toán Nhà nước đối với báo cáo tài chính của năm 2020. Trên cơ sở của kết luận của Kiểm toán Nhà nước, Tổng công ty đã thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu trên số liệu so sánh dưới đây:

Bảng cân đối kế toán (trích lược)

Mã số	TÀI SẢN	Theo báo cáo đã công bố VND	Điều chỉnh (*) VND	Số liệu trình bày lại VND
TÀI SẢN NGÂN HÀNG				
100	TÀI SẢN NGÂN HÀNG	840.658.971.360	5.247.941.437	845.906.912.797
130	Các khoản phải thu ngân hàng	479.277.827.391	3.587.040.227	482.864.867.618
137	Dự phòng phải thu ngân hàng			
139	Tài sản thiếu chờ xử lý	(65.503.741.464)	3.374.533.335	(62.129.208.129)
140	Hàng tồn kho	150.163.275.892	2.241.444.119	152.404.720.011
141	Hàng tồn kho	152.617.226.903	(212.506.892)	152.404.720.011
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.453.951.011)	2.453.951.011	-
150	Tài sản ngân hàng khác	98.067.008.801	(580.542.909)	97.486.465.892
152	Thuế GTGT được khấu trừ	17.692.805.212	(580.542.909)	17.112.262.303
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.013.460.120.925	16.028.889.785	1.029.489.010.710
260	Tài sản dài hạn khác	303.488.111.755	16.028.889.785	319.517.001.540
261	Chi phí trả trước dài hạn	272.001.783.058	16.028.889.785	288.030.672.843
TỔNG TÀI SẢN				
270	TỔNG TÀI SẢN	1.854.119.092.285	21.276.831.222	1.875.395.923.507
NGUỒN VỐN				
300	NỢ PHẢI TRẢ	1.272.112.330.211	5.386.409.168	1.277.498.739.379
310	Nợ ngắn hạn	1.087.467.950.236	5.386.409.168	1.092.854.359.404
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	14.419.551.567	5.386.409.168	19.805.960.735
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	582.006.762.074	15.890.422.054	597.897.184.128
410	Vốn chủ sở hữu	582.006.762.074	15.890.422.054	597.897.184.128
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	8.841.887.287	15.890.422.054	24.732.309.341
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.854.119.092.285	21.276.831.222	1.875.395.923.507



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẬP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

37 ĐIỀU CHỈNH HỢI TỐ (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trích lược):

Mã số	Theo báo cáo đã công bố VND	Điều chỉnh (*) VND	Từ ngày 1/1/2020 đến ngày 31/12/2020	
			Số liệu VND	Số liệu VND
11	Giả vốn		1.631.067.597,032	(18.482.840.796)
20	Lợi nhuận góp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		609.778.306,949	18.482.840.796
25	Chi phí bán hàng		219.533.992,673	1.115.144.727
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp		265.229.279,559	(2.238.516,668)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		71.052.860,549	19.606.212,737
31	Thu nhập khác		17.956.044,717	1.136.016,667
40	Lợi nhuận khác		17.553.891,464	1.136.016,667
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		88.606.752,013	20.742.229,404
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành		19.624.176,682	4.851.807,350
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		63.736.320,142	15.890.422,054
61	Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty		62.068.570,174	15.890.422,054

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (trích lược):

Mã số	Theo báo cáo đã công bố VND	Điều chỉnh (*) VND	Từ ngày 1/1/2020 đến ngày 31/12/2020	
			Số liệu VND	Số liệu VND
01	Lợi nhuận trước thuế		88.606.752,013	20.742.229,404
03	Các khoản dự phòng		5.067.698,480	(5.828.484,346)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		360.911.238,608	14.913.745,058
09	Tăng các khoản phải thu		(60.489.623,304)	368.036,017
10	Giảm hàng tồn kho		32.592.580,575	212.506,892
11	Tăng các khoản phải trả		46.184.119,155	534.601,818
12	Giảm chi phí trả trước		21.171.058,980	(16.028.889,785)
			375.824.983,666	375.824.983,666



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

37 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (TIẾP THEO)

- (*) Theo Thông báo số 367/TB-KTNN của Kiểm toán Nhà nước ngày 29 tháng 7 năm 2021, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố như dưới đây.

Trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các điều chỉnh/phân loại liên quan đến:

- Tăng chi phí trả trước dài hạn với số tiền là 16.028.889.785 Đồng Việt Nam do thay đổi thời gian phân bổ đối với một số chi phí phát sinh trong năm 2020;
- Các điều chỉnh giảm trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, phân loại lại giữa khoản mục tài sản thiếu chờ xử lý và hàng tồn kho, giảm trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tăng thuế giá trị gia tăng phải nộp, và;
- Thuế TNDN phải nộp tăng thêm là 4.851.807.350 Đồng Việt Nam.

Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 có các điều chỉnh/phân loại liên quan đến:

- Giảm giá vốn hàng bán với số tiền là 18.482.840.796 Đồng Việt Nam;
- Tăng chi phí bán hàng với số tiền là 1.115.144.727 Đồng Việt Nam;
- Giảm chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền là 2.238.516.668 Đồng Việt Nam;
- Tăng thu nhập khác với số tiền là 1.136.016.667 Đồng Việt Nam, và;
- Tăng chi phí thuế TNDN hiện hành là 4.851.807.350 Đồng Việt Nam

38 PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

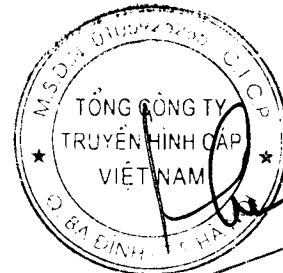
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 31 tháng 3 năm 2022.



Nguyễn Thị Thu
Người lập



Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huấn
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

